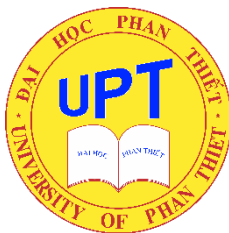


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



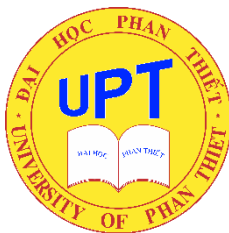
HUỲNH THỊ THANH HẬU

**THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM
TẠI TỈNH BÌNH THUẬN**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

BÌNH THUẬN, 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



HUỲNH THỊ THANH HẬU

**THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM
TẠI TỈNH BÌNH THUẬN
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

MÃ SỐ:8380107

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS PHẠM TRÍ HÙNG**

Bình Thuận, 2025

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting or typing. There are no margins, text, or other markings on the page.

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban giám hiệu Trường Đại học Phan Thiết, cùng tất cả quý Thầy Cô giảng dạy chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế. Chính sự tận tâm và tâm huyết của Thầy Cô đã không chỉ giúp tôi tiếp thu những kiến thức quý báu mà còn truyền đạt những kinh nghiệm thực tiễn vô cùng quý giá. Các Thầy Cô đã tạo ra môi trường học tập đầy thuận lợi và hỗ trợ tôi rất nhiều trong suốt quá trình học tập, giúp tôi có đủ sự tự tin và nền tảng vững chắc để hoàn thành tốt đề án tốt nghiệp của mình.

Và đặc biệt, tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến TS. Phạm Trí Hùng, người đã trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án. Với sự chỉ bảo tận tình và những lời khuyên quý báu, những chia sẻ của Thầy không chỉ là những hướng dẫn về chuyên môn mà còn là những bài học quý giá về phương pháp làm việc khoa học và cách tiếp cận vấn đề một cách toàn diện. Tôi rất trân trọng sự hỗ trợ và đồng hành của thầy, và nhờ đó, tôi đã có thể hoàn thiện đề án một cách tốt nhất.

Tôi cũng xin cảm ơn quý Thầy Cô Phòng Sau đại học, Khoa Luật kinh tế Trường ĐH Phan Thiết cùng toàn thể tập thể anh chị và các bạn lớp Thạc sĩ Luật kinh tế khóa 01 đã hỗ trợ, giúp đỡ và đồng hành cùng tôi trong suốt gần 2 năm học tập tại trường.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình và bạn bè, những người luôn đồng hành, ủng hộ và động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án. Sự quan tâm và tạo điều kiện của họ là nguồn động lực to lớn giúp tôi hoàn thành quá trình học tập.

Trong suốt quá trình nghiên cứu, do hạn chế về thời gian và khả năng, đề án không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự thông cảm và những ý kiến đóng góp quý báu từ quý Thầy Cô, cùng các anh chị đồng nghiệp để đề án có thể được hoàn thiện hơn nữa.

Xin trân trọng cảm ơn!

Bình Thuận, ngày.....tháng.....năm 2025

Tác giả

Huỳnh Thị Thanh Hậu

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết rằng nội dung của đề án này là kết quả nghiên cứu độc lập do tôi thực hiện, dưới sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của TS. Phạm Trí Hùng. Đề án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây. Tất cả các số liệu, thông tin và nội dung được trình bày trong đề án đều có nguồn gốc rõ ràng, được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và được trích dẫn một cách chính xác, hợp lệ. Mọi tài liệu tham khảo đều được nêu rõ trong phần trích dẫn để đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong quá trình nghiên cứu.

Tác giả

Huỳnh Thị Thanh Hậu

TÓM TẮT

An toàn thực phẩm luôn là vấn đề nhận được sự quan tâm đặc biệt từ Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người tiêu dùng. Một trong những yếu tố quan trọng trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm là cần có quy định rõ ràng, minh bạch và chi tiết về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh doanh thực phẩm. Điều này không chỉ giúp xác định quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đề án nhằm đưa ra các kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận. Nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ những tồn tại trong việc thực thi pháp luật hiện hành, từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện để nâng cao hiệu quả bảo vệ người tiêu dùng và đảm bảo an toàn thực phẩm. Nghiên cứu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm về nghĩa vụ của họ đối với chất lượng sản phẩm, qua đó khuyến khích thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ thực phẩm. Thêm vào đó, việc nghiên cứu này còn góp phần nâng cao chất lượng thực phẩm, giảm thiểu các nguy cơ về sức khỏe và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Bằng việc khảo sát thực tiễn về việc áp dụng pháp luật, nghiên cứu sẽ giúp các cơ quan nhà nước đánh giá hiệu quả công tác giám sát và kiểm tra, đồng thời hoàn thiện các chính sách pháp lý liên quan đến an toàn thực phẩm.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
LỜI CAM ĐOAN.....	5
TÓM TẮT.....	6
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	9
PHẦN 1: MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của nghiên cứu.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục tiêu của đề tài.....	3
4. Đối tượng nghiên cứu:.....	3
5. Phạm vi nghiên cứu:	4
6. Phương pháp nghiên cứu	4
6.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp	4
6.2. Phương pháp thống kê:	4
6.3. Ý nghĩa của nghiên cứu	4
7. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài:	4
PHẦN 2: NỘI DUNG	6
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM	6
1.1. Những vấn đề chung về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	6
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	6
1.1.2 Phân loại và vai trò của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	8
1.1.3. Khái quát trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	9
1.2 Quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	11
1.2.1 Khái quát quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	11
1.2.2 Quy định về trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình kinh doanh	14
1.2.3 Quy định về trách nhiệm thông tin trung thực về an toàn thực phẩm ; thông tin điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm	18
1.2.4 Quy định về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại khi thực phẩm không bảo đảm an toàn	20
1.3. Tầm quan trọng của quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	23

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	24
CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM TẠI TỈNH BÌNH THUẬN.	25
2.1 Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.	25
2.1.1 Khái quát thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.	25
2.1.2 Thực tiễn áp dụng quy định về trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.	26
2.1.3 Thực tiễn áp dụng quy định về trách nhiệm thông tin trung thực về an toàn thực phẩm ; thông tin điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.	34
2.1.4 Thực tiễn áp dụng quy định về xử lý, khắc phục hậu quả và trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi thực phẩm không bảo đảm an toàn tại tỉnh Bình Thuận.....	36
2.2 Xác định các vấn đề và nguyên nhân của các vấn đề từ thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.	39
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	41
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM.	44
3.1 Nhu cầu và định hướng hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.....	44
3.2 Những đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.....	46
3.2.1 Một số đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.	46
3.2.2 Các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm	50
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	52
KẾT LUẬN	53
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	55

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG TIẾNG VIỆT
VSATTP	VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
ATTP	AN TOÀN THỰC PHẨM
QĐPL	QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT
KDTP	KINH DOANH THỰC PHẨM
TP	THỰC PHẨM
HĐKD	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BVQLNTD	BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG
ĐKKD	ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
NTD	NGƯỜI TIÊU DÙNG
SXTP	SẢN XUẤT THỰC PHẨM
GCNCSDĐK	GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TC&CN	TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

PHẦN 1: MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của nghiên cứu

An toàn thực phẩm là một trong những vấn đề nhận được sự quan tâm sâu sắc từ Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội, vì nó đóng vai trò then chốt trong công tác bảo vệ sức khỏe NTD. Việc đảm bảo ATTP không chỉ giúp giảm thiểu tỷ lệ mắc bệnh, mà còn góp phần duy trì và phát triển nòi giống, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ đó tăng cường sức lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Đồng thời, vấn đề này cũng phản ánh một xã hội văn minh, có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Mặc dù đến nay, khoa học kỹ thuật đã có những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực bảo vệ và đảm bảo ATTP, cùng với các biện pháp như ban hành các VB pháp lý, luật lệ hướng dẫn, thanh kiểm tra giám sát thực phẩm, nhưng tình trạng TP kém chất lượng vẫn còn chiếm tỷ lệ khá lớn. Những hậu quả từ TP không an toàn, đặc biệt là ngộ độc TP, đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe NTD, làm giảm chất lượng cuộc sống và cản trở sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Hơn nữa, những tác động này còn đe dọa an sinh xã hội và kéo dài gánh nặng cho hệ thống y tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định và thịnh vượng của cộng đồng.

Một trong những vấn đề quan trọng cần được chú ý đặc biệt trong công tác đảm bảo ATTP chính là việc quy định một cách rõ ràng, minh bạch và chi tiết trách nhiệm của các TC&CN KDTP. Việc này không chỉ giúp xác định quyền và nghĩa vụ của từng bên mà còn tạo điều kiện thuận lợi để BVQLNTD. Tuy nhiên, hiện nay, các quy định về trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực KDTP đối với NTD vẫn chưa được thể hiện một cách rõ ràng, cụ thể. Các văn bản pháp lý hiện tại còn thiếu sự đồng bộ, dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong việc thực thi các quy định này, từ đó tạo ra những lỗ hổng trong công tác quản lý và kiểm soát chất lượng TP. Điều này khiến việc bảo vệ NTD gặp nhiều khó khăn và không đạt được hiệu quả cao.

“Theo thống kê từ Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), mỗi năm Việt Nam có khoảng 250-500 vụ ngộ độc thực phẩm với 7.000-10.000 nạn nhân và 100-200 ca tử vong. Nguyên nhân được xác định là xuất phát từ thực phẩm bị nhiễm vi sinh vật (33%), thực phẩm bị ô nhiễm hóa chất (27%), thực phẩm vốn hàm chứa các chất độc tự nhiên (37,5%), thức ăn bị nhiễm thuốc trừ sâu (phun hàm lượng cao, không cách ly với ngày thu hoạch) hay các chất phụ gia (hàn the, màu công nghiệp, đường hóa học) với dư lượng độc tố cao. Thống kê của Bộ Y tế cũng chỉ ra rằng, mỗi năm Việt Nam có khoảng 150.000

ca mới mắc và trên 75.000 trường hợp tử vong do ung thư, trong đó có nguyên nhân từ việc sử dụng thực phẩm bẩn (thực phẩm có sử dụng chất kích thích, chất tăng trọng, thuốc bảo vệ thực vật quá dư lượng” [1]. Qua thống kê số liệu trên chúng ta thấy được TP có vai trò vô cùng quan trọng đối với sức khỏe con người, sản xuất, KDTP đóng vai trò quan trọng, then chốt không chỉ với sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thế hệ trẻ tương lai ngoài ra còn ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế.

Là một tỉnh nằm “cận kề” với khu vực trọng điểm kinh tế phía nam, với vị trí địa lý thuận lợi và có nhiều tiềm năng phát triển, Bình Thuận đã và đang phát triển các lợi thế của mình để hoà mình vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của cả nước, đặc biệt là các lợi thế về phát triển du lịch khi Bình Thuận là Tỉnh được chọn tổ chức đăng cai năm du lịch quốc gia với chủ đề Bình Thuận – hội tụ xanh năm 2023.

Cùng với nhiều cơ hội thì thách thức đặt ra cũng “không ít” cho tỉnh Bình Thuận khi nhiều vấn đề liên quan phát sinh như đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, môi trường và một vấn đề đang rất nóng được toàn xã hội “quan tâm” hiện nay trong cả nước nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng là vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm cho người dân tại địa phương, khách du lịch trong nước và quốc tế. Với hi vọng đóng góp nghiên cứu ứng dụng và nêu lên các giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện PL tại Bình Thuận, từ đó học viên chọn đề tài **“Thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận ”**

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vệ sinh an toàn thực phẩm là một vấn đề lớn được toàn xã hội đặc biệt quan tâm nhất là trong bối cảnh hiện nay, nhận thức được điều đó, chính vì thế hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực này ở nhiều khía cạnh khác nhau về VSATTP tại nhiều địa phương. Theo học viên tìm hiểu thì có nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này, cụ thể là một số công trình nghiên cứu như sau:

Luận văn Thạc sĩ: “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh” năm 2019 của tác giả Đinh Thành Trung (Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam).

Luận văn thạc sĩ: “Pháp luật về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực kinh doanh - qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị” năm 2018 của tác giả Nguyễn Nữ Linh Tâm (Trường Đại học Luật – Đại học Huế).

Luật văn Thạc sĩ Luật học “Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm” của Trần Thị Quỳnh Như thực hiện năm 2018 tại Trường Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Luận văn Thạc sĩ luật học với đề tài “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ thực tiễn Thành phố Hà Nội” năm 2012 của tác giả Vũ Sỹ Thành, (Học viện Khoa học Xã hội).

Luận văn Thạc sĩ nghiên cứu về “Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm từ thực tiễn Tỉnh Đồng Tháp” năm 2017 của tác giả Nguyễn Thị Tuyết Loan (Học viện Khoa học Xã hội).

Có thể nhận thấy đã có nhiều đề tài nghiên cứu về VSATTP nhằm mục đích cải thiện hoạt động kiểm soát ATTP, bảo đảm sức khỏe NTD được tiếp cận TP an toàn. Và mặc dù pháp luật Việt Nam về ATTP đã có nhiều cải tiến, nhưng trong thực tế vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như việc thiếu sự giám sát chặt chẽ, hình thức xử lý chưa đủ mạnh, hay các quy định chưa đầy đủ để đảm bảo quyền lợi của NTD. Các vụ việc như TP bẩn, vi phạm về chất lượng, nguồn gốc TP không rõ ràng vẫn xảy ra thường xuyên, cho thấy sự thiếu hiệu quả trong việc thực thi pháp luật. Qua đó, học viên nhận thấy rằng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi KDTP là một yếu tố then chốt trong việc bảo đảm ATTP và bảo vệ sức khỏe con người. Việc nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật về vấn đề này không chỉ giúp nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân KDTP mà còn góp phần tạo dựng một môi trường KD lành mạnh, bền vững.

3. Mục tiêu của đề tài

Đề án đặt mục tiêu đưa ra các kiến nghị, đề xuất hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP tại tỉnh Bình Thuận, trên cơ sở: Phân tích cơ sở lý thuyết và QĐPL về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP; Phân tích áp dụng PL về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Xác định các vấn đề và đánh giá nguyên nhân của các vấn đề từ thực tiễn áp dụng PL về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP tại tỉnh Bình Thuận.

4. Đối tượng nghiên cứu:

Đề tài sẽ nghiên cứu quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đảm bảo ATTP chủ yếu dựa vào Luật ATTP và Luật Bảo vệ quyền lợi NTD. Và nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật về ATTP đối với tổ chức, cá nhân KDTP tại tỉnh Bình Thuận.

5. Phạm vi nghiên cứu:

Đề án tập trung nghiên cứu về các quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP và thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Bình Thuận. Vì thời gian có hạn nên đề án sẽ không nghiên cứu quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục bồi thường thiệt hại khi TP không an toàn vì đã được quy định cụ thể theo PL dân sự.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp

Phân tích khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của tổ chức, cá nhân KDTP theo quy định pháp luật, phân tích các số liệu từ thực tiễn để chỉ ra vướng mắc của QĐPL về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt ở chương 1 và chương 2 của đề án.

6.2. Phương pháp thống kê:

Phương pháp thống kê được sử dụng trong việc thu thập, thống kê số liệu qua các báo cáo thực tiễn tại tỉnh Bình Thuận nhằm làm rõ thực tiễn thực thi pháp luật tại địa phương. Phương pháp này đưa ra các nhận định khách quan dựa trên số liệu thực tế và từ đó đưa ra các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 2 và chương 3 của đề án.

6.3. Ý nghĩa của nghiên cứu

Nghiên cứu giúp phát hiện những bất cập trong việc áp dụng PL hiện hành, từ đó đề xuất các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ người tiêu dùng và an toàn thực phẩm. Nghiên cứu đề tài giúp nâng cao ý thức của các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm về trách nhiệm của họ đối với chất lượng sản phẩm, từ đó khuyến khích họ thực hiện các biện pháp an toàn trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Ngoài ra việc nghiên cứu sẽ phần nào nâng cao chất lượng thực phẩm, ngăn ngừa các rủi ro về sức khỏe từ đó góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật giúp các cơ quan quản lý nhà nước đánh giá hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra và hoàn thiện các chính sách pháp lý về an toàn thực phẩm.

7. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài:

Đề án xác định hướng đến trả lời sáu câu hỏi nghiên cứu sau:

- Quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm dựa trên cơ sở lý thuyết nào?

- Pháp luật quy định thế nào về trách nhiệm thông tin trung thực về an toàn thực phẩm, thông tin điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng sản phẩm?

- Pháp luật quy định thế nào về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả và trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi thực phẩm không bảo đảm an toàn?

- Thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận có những vấn đề, vướng mắc, bất cập gì?

- Nguyên nhân của các vấn đề từ thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm là gì?

- Có thể đề xuất gì để hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận?

Kết cấu của đề án

Đề án gồm 2 phần: Phần Mở đầu và Phần Nội dung.

Phần Nội dung gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung và quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm trên địa bàn Tỉnh Bình Thuận

Chương 3: Đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.

PHẦN 2: NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM

1.1. Những vấn đề chung về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

❖ Khái niệm tổ chức, cá nhân KDTP:

Căn cứ khoản 20 điều 2 Luật An toàn thực phẩm 2010 “*TP là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. TP không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm*”. Khoản 8 Điều 2 Luật ATTP 2010 quy định: “*KDTP là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động giới thiệu, dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán thực phẩm*”.

Căn cứ khoản 1 điều 3 ND 39/2007/NĐ-CP quy định về “hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên” mà không bắt buộc ĐKKD liên quan đến các trường hợp hoạt động kinh doanh của các cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình không cần phải thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh “*Cá nhân hoạt động thương mại là cá nhân tự mình hàng ngày thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động được pháp luật cho phép về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác nhưng không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và không gọi là thương nhân theo quy định của Luật Thương mại*”. Cụ thể là các cá nhân có các HĐKD: “*Buôn bán rong (buôn bán dạo) là các hoạt động mua, bán không có địa điểm cố định (mua rong, bán rong hoặc vừa mua rong vừa bán rong), bao gồm cả việc nhận sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm của các thương nhân được phép kinh doanh các sản phẩm này theo quy định của pháp luật để bán rong; Buôn bán vật là hoạt động mua bán những vật dụng nhỏ lẻ có hoặc không có địa điểm cố định; c) Bán quà vật là hoạt động bán quà bánh, đồ ăn, nước uống (hàng nước) có hoặc không có địa điểm cố định...*”

Theo khoản 2 điều 3 Luật BVQL NTD 2023, “*Tổ chức, cá nhân kinh doanh là tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trên thị*

trường nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm: a) Thương nhân theo quy định của Luật Thương mại; b) Cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, không phải đăng ký kinh doanh”.

Qua đây, có thể nhận thấy rằng giữa Luật ATTP 2010 và Luật BVQL NTD 2023 vẫn tồn tại sự thiếu đồng bộ trong cách tiếp cận và quy định. Cụ thể, tại Đ7 và Đ8 của Luật ATTP 2010, có sự phân biệt rõ ràng giữa hoạt động KDTP và SXTP, thể hiện sự phân loại riêng biệt các lĩnh vực này trong “quản lý và giám sát” ATTP. Trong khi đó, Luật BVQL NTD 2023, với sự cập nhật và điều chỉnh mới, đã đưa ra một cách tiếp cận toàn diện hơn khi quy định rằng KD không chỉ bao gồm hoạt động sản xuất mà còn mở rộng ra các hoạt động đầu tư và tiêu thụ sản phẩm.

Luật BVQL NTD 2023, với việc được ban hành sau Luật ATTP 2010, có một phạm vi tiếp cận rộng hơn và tương thích hơn với tình hình hiện nay. Việc mở rộng khái niệm KD trong luật này giúp BVQL của NTD một cách toàn diện hơn, bao gồm cả những hoạt động đầu tư và sản xuất.

Như vậy, có thể hiểu rằng "tổ chức, cá nhân KDTP" là những người thực hiện một cách liên tục một hoặc một số công đoạn trong chuỗi quá trình “sản xuất, giới thiệu, cung cấp dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán các sản phẩm tiêu dùng”, bao gồm thực phẩm tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến bảo quản, với mục tiêu lợi nhuận. Đối tượng này không chỉ là các cá nhân kinh doanh độc lập không cần ĐKKD, mà còn có các thương nhân theo quy định của Luật Thương mại. Mặc dù Luật BVQL NTD không đưa ra khái niệm hoặc giải thích cụ thể về các thuật ngữ này, nhưng trong pháp luật về ATTP đã có những căn cứ pháp lý để xác định rõ phạm vi tổ chức, cá nhân KDTP, bao gồm cả các tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm và những cá nhân kinh doanh các sản phẩm như “quà vật”.

❖ Đặc điểm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm:

Thứ nhất, các TC&CN KD chuyên về TP, thực hiện các công việc “sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu, buôn bán, cung cấp, phân phối, tiêu thụ, giao dịch” các loại thực phẩm ở thị trường bán lẻ và bán sỉ.

Thứ hai, TC&CN KDTP phải được cấp giấy phép KDTP bởi các cơ quan chức năng để đảm bảo hoạt động KD đúng theo pháp luật. Trong đó, nêu rõ ngành nghề KD, phạm vi hoạt động, địa điểm, điều kiện về cơ sở vật chất và các quy định khác. Ngoài ra, TC&CN KDTP phải chấp hành các quy định pháp luật về ATTP như công tác tập

huấn, quy trình chế biến TP cũng như công tác bảo quản, kiểm tra và giám sát chất lượng thực phẩm được bảo đảm.

Thứ ba, trong quá trình KDTP tổ chức và cá nhân phải làm sao đảm bảo được chất lượng của sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Điều đó đòi hỏi nguyên liệu đầu vào phải đạt tiêu chuẩn về chất lượng như kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi lưu hành trên thị trường.

Thứ tư, vấn đề ghi nhãn sản phẩm thực phẩm, cụ thể là các thông tin về nguyên liệu trong sản phẩm, xuất xứ, thời gian và chỉ dẫn sử dụng thì tổ chức, cá nhân phải thực hiện nghiêm túc theo quy định. Đồng thời các hoạt động quảng cáo TP cũng phải đảm bảo theo QĐPL.

Thứ năm, một điều không kém phần quan trọng mà các tổ chức và cá nhân KDTP phải thực hiện đó là đảm bảo các quy định về VSATTP cho đến khi cung cấp TP ra thị trường mà không làm ô nhiễm, lây lan dịch bệnh và gây hại cho sức khỏe của NTD.

1.1.2 Phân loại và vai trò của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

❖ Phân loại tổ chức, cá nhân KDTP:

Theo quy mô hoạt động: gồm có KD nhỏ lẻ như là các cơ sở KDTP với quy mô nhỏ, phục vụ cho một số lượng khách hàng hạn chế (chợ, cửa hàng thực phẩm). Kinh doanh lớn cụ thể là các tổ chức, doanh nghiệp lớn, thường có mạng lưới phân phối rộng, hoạt động với quy mô lớn (siêu thị, nhà máy chế biến thực phẩm). Ngoài ra còn có các cá nhân KDTP như chủ quán ăn, chủ nhà hàng, người bán hàng TP tại chợ, người bán hàng TP qua các kênh trực tuyến.

Theo loại hình kinh doanh bao gồm: KDTP tươi sống như các cơ sở KDTP chưa qua chế biến (thực phẩm tươi sống, hải sản, thịt, rau củ quả). KDTP chế biến sẵn gồm các doanh nghiệp chuyên bán các sản phẩm TP đã qua chế biến, đóng gói (TP ăn liền, TP đông lạnh, TP chế biến sẵn). Các TP đặc sản của một vùng, miền, địa phương như là nước mắm, mật ong, bánh tráng, thanh long...

Theo hình thức phân phối gồm có kênh bán lẻ là các cửa hàng, siêu thị, chợ, quán ăn, nhà hàng. Kênh bán sỉ như các DN cung cấp TP cho các nhà bán lẻ hoặc nhà cung cấp khác. Đồng thời, còn có kênh bán trực tuyến gồm các cửa hàng hoặc doanh nghiệp bán TP qua các nền tảng trực tuyến.

❖ Về vai trò của tổ chức, cá nhân KDTP:

Vai trò tiên quyết của TC&CN KDTP là cung ứng TP cho cộng đồng, cung cấp nhu cầu dinh dưỡng và tiêu dùng hàng ngày của NTD. Các sản phẩm được cung cấp như là TP chế biến sẵn, TP tươi sống, TP dinh dưỡng, v.v. Họ phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ATTP, từ khâu sản xuất, chế biến đến vận chuyển và tiêu thụ. TC&CN KDTP tạo ra không chỉ giá trị vật chất mà còn tạo ra hàng triệu việc làm cho lao động. Từ những công việc trực tiếp trong sản xuất, chế biến, đóng gói đến các công việc liên quan đến vận chuyển, phân phối và bán lẻ, ngành TP góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp cho người lao động. Các TC&CN KDTP thường xuyên đổi mới trong việc phát triển sản phẩm, cải tiến quy trình chế biến và đóng gói, cũng như xây dựng các chiến lược tiếp thị sáng tạo để thu hút NTD. Sự sáng tạo này không chỉ giúp các doanh nghiệp duy trì sự cạnh tranh trong thị trường mà còn tạo ra những điều mới trong tiêu dùng TP, như tiêu dùng TP hữu cơ, TP chức năng hay sản phẩm chế biến sẵn tiện lợi. Đây là những yếu tố quan trọng giúp ngành TP thích ứng với nhu cầu thay đổi của thị trường và đáp ứng yêu cầu của NTD. Các TC&CN KDTP có trách nhiệm cam kết VSATTP, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Họ phải tuân thủ các quy định về “chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ TP” để tránh gây ra các bệnh truyền qua TP. Đối với sức khỏe và quyền lợi của NTD, cụ thể là việc cung cấp những thông tin trung thực về sản phẩm TP mà họ KD như: xuất xứ, thành phần, giá cả, hạn sử dụng của sản phẩm... Cùng với đó, TC&CN KDTP phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm mà họ cung cấp cho NTD cụ thể là đảm bảo các quy định VSATTP, kiểm tra về chất lượng sản phẩm và các quy định khác liên quan. Đồng thời, khi có khiếu nại, tranh chấp xảy ra thì TC&CN KDTP phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ thông tin và giải quyết vấn đề kịp thời, hiệu quả.

1.1.3. Khái quát trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

Theo ý kiến cá nhân cho rằng, trách nhiệm của TC&CN KDTP được hiểu qua 3 khía cạnh là trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm pháp lý.

Về mặt cá nhân: Đây là nghĩa vụ của mỗi cá nhân hoặc tổ chức trong việc đảm bảo các quyết định và hành động của mình không gây hại đến cộng đồng. Trách nhiệm cá nhân bao gồm việc duy trì các giá trị đạo đức trong HĐKD, tự giác nhận thức và chịu trách nhiệm về sản phẩm và dịch vụ mình cung cấp, cũng như đảm bảo chất lượng và an toàn TP.

Về mặt xã hội: Các TC&CN KDTP cần đảm bảo cung cấp TP an toàn, chất lượng, minh bạch thông tin về sản phẩm và tôn trọng quyền lợi của NTD. Đồng thời, họ cũng cần tham gia vào các hoạt động XH, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng, bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Về mặt pháp lý: Đây là nghĩa vụ tuân thủ các QĐPL liên quan đến KDTP, bao gồm các quy định về VSATTP, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi NTD, và nộp thuế đầy đủ. Khi vi phạm các quy định pháp lý, cá nhân hoặc tổ chức KDTP sẽ phải chịu trách nhiệm và xử lý theo QĐPL.

Tóm lại, trách nhiệm của TC&CN KDTP bao gồm cả ba loại trách nhiệm nêu trên theo quan điểm của học viên, tuy nhiên quan trọng nhất vẫn là trách nhiệm phải tuân thủ và thực hiện đúng những QĐPL khi KDTP, có như thế mới tạo ra sự an toàn và ổn định cho xã hội.

“Nghĩa vụ” của tổ chức, cá nhân KDTP gồm:

Theo khoản 2 điều 7 Luật ATTP 2010 quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân KDTP như sau: *“a) Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, bảo đảm ATTP trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về ATTP do mình sản xuất; b) Tuân thủ quy định của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng mà thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; c) Thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm trên nhãn, bao bì, trong tài liệu kèm theo TP theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; d) Thiết lập quy trình tự kiểm tra trong quá trình sản xuất thực phẩm; đ) Thông tin trung thực về ATTP ; cảnh báo kịp thời, đầy đủ, chính xác về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm, cách phòng ngừa cho người bán hàng và NTD; thông báo yêu cầu về vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng thực phẩm; e) Kịp thời ngừng sản xuất, thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện TP không an toàn hoặc không phù hợp tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; g) Lưu giữ hồ sơ, mẫu thực phẩm, các thông tin cần thiết theo quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc TP không bảo đảm an toàn theo quy định tại Điều 54 của Luật này; h) Thu hồi, xử lý TP quá thời hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn. Trong trường hợp xử lý bằng hình thức tiêu hủy thì việc tiêu hủy TP phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy đó; i) Tuân thủ quy định pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có*

thẩm quyền; k) Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm theo quy định tại Điều 48 của Luật này; l) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi TP không an toàn do mình sản xuất gây ra”.

Theo khoản 2 điều 8 Luật ATTP 2010, TC&CN KDTP có các nghĩa vụ sau đây: “a) Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với TP trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về ATTP do mình kinh doanh; b) Kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nhãn TP và các tài liệu liên quan đến ATTP ; lưu giữ hồ sơ về thực phẩm; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc TP không bảo đảm an toàn theo quy định tại Điều 54 của Luật này; c) Thông tin trung thực về ATTP ; thông báo cho NTD điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm; d) Kịp thời cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn của TP và cách phòng ngừa cho NTD khi nhận được thông tin cảnh báo của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; đ) Kịp thời ngừng kinh doanh, thông tin cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và NTD khi phát hiện TP không bảo đảm an toàn; e) Báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền và khắc phục ngay hậu quả khi phát hiện ngộ độc TP hoặc bệnh truyền qua TP do mình kinh doanh gây ra; g) Hợp tác với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra ngộ độc TP để khắc phục hậu quả, thu hồi hoặc xử lý TP không bảo đảm an toàn; h) Tuân thủ quy định của pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; k) Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm theo quy định tại Điều 48 của Luật này; l) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi TP mất an toàn do mình kinh doanh gây ra”.

Qua đó, có thể nhận thấy khi KDTP thì tổ chức, cá nhân sẽ phải tuân thủ 3 loại trách nhiệm chính: “trách nhiệm tuân thủ các điều kiện đảm bảo an toàn đối với TP trong quá trình KD và chịu trách nhiệm về ATTP do mình KD, trách nhiệm thông tin trung thực về ATTP nghĩa là phải thông báo cho NTD điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng TP, trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại trong trường hợp TP không bảo đảm an toàn”.

1.2 Quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

1.2.1 Khái quát quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

Theo thống kê, “hệ thống pháp luật về ATTP của Việt Nam đã có hơn 160 văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành, trong đó có 15 văn bản Luật của Quốc hội, 42 Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ, 8 Thông tư liên tịch, 40 Thông tư của Bộ Y tế, 56 Thông tư của Bộ NN&PTNT, 15 Thông tư của Bộ Công Thương, 2 Thông tư của Bộ Tài chính để quản lý ATTP trong đó Luật ATTP là văn bản có hiệu lực cao nhất, quy định khá đầy đủ, toàn diện, phủ kín các đối tượng, công đoạn trong chuỗi sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về ATTP; việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý giữa trung ương và địa phương, giải quyết các vấn đề “giao thoa”, chồng chéo trong quản lý” [2].

Pháp luật cũng đã có nhiều văn bản pháp lý QĐ về trách nhiệm của TC&CN KDTP như:

Luật BVQL NTD số 19/2023/QH15: *“Luật này quy định về nguyên tắc, chính sách bảo vệ quyền lợi NTD; quyền và nghĩa vụ của NTD; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với NTD; hoạt động bảo vệ quyền lợi NTD của cơ quan, tổ chức; giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh; quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi NTD”*. Luật ATTP số 55/2010/QH12: *“Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm ATTP ; điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, sản xuất, KDTP và nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm; quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ đối với ATTP ; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP; thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP; trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP ”*

Hiện nay, ở Việt Nam hai văn bản Luật trên là hai văn bản Luật có nền tảng pháp lý chung để nhà nước quản lý tình hình ATTP và là cơ sở, là căn cứ để quy trách nhiệm cho các TC&CN KDTP.

Việc giao trách nhiệm quản lý an toàn TP cho ba bộ (Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương) là nhằm đảm bảo sự kiểm soát toàn diện và hiệu quả trên tất cả các khía cạnh của TP, từ sản xuất đến tiêu thụ. Mỗi bộ có chuyên môn riêng biệt trong lĩnh vực của mình và sự phân công này giúp tối ưu hóa công tác quản lý an toàn TP từ các cấp.

Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã quy định một cách chi tiết và toàn diện các điều khoản liên quan đến việc thực thi các quy định về ATTP, nhằm bảo đảm rằng mọi sản phẩm TP được sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ trên thị trường đều phải đáp ứng

các yêu cầu khắt khe về chất lượng và an toàn. Mục tiêu của nghị định là bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đồng thời xây dựng một khuôn khổ pháp lý vững chắc, rõ ràng cho công tác quản lý, giám sát và điều chỉnh các hoạt động liên quan đến ATTP. Nhờ đó, các cơ quan thực thi pháp luật có thể thực hiện các chính sách quản lý hiệu quả hơn, đồng thời tạo sự minh bạch trong hoạt động của ngành. Bên cạnh đó, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định các hình thức xử phạt hành chính đối với những vi phạm về ATTP, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ sở sản xuất và KDTP. Các biện pháp xử phạt này không chỉ tạo áp lực đối với các doanh nghiệp mà còn làm cho họ phải nâng cao chất lượng TP, qua đó góp phần cải thiện chất lượng TP trên thị trường. Các quy định trong các văn bản pháp lý về ATTP chủ yếu tập trung vào những yêu cầu nghiêm ngặt liên quan đến nguồn gốc, chất lượng, thành phần và hạn sử dụng của sản phẩm TP, đảm bảo rằng tất cả sản phẩm được sản xuất và tiêu thụ đều đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh và ATTP. Đồng thời, các quy định này cũng chú trọng đến việc thực hiện đúng các quy trình kiểm soát ATTP trong suốt các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản và vận chuyển, nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập của các yếu tố gây hại đến sức khỏe NTD. Các cơ quan chức năng phải thực hiện các công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất để phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn, xử lý kịp thời các vi phạm, từ đó bảo vệ quyền lợi của NTD và giữ vững chất lượng TP trên thị trường. Các hành vi vi phạm được phát hiện sẽ bị xử lý nghiêm minh, với mức phạt phù hợp, nhằm tạo ra một môi trường KDTP an toàn, lành mạnh và có trách nhiệm đối với cộng đồng.

Như vậy, các quy định trong các văn bản pháp lý về ATTP không chỉ giúp bảo vệ sức khỏe NTD mà còn tạo ra một hệ thống căn cứ PL nghiêm ngặt, rõ ràng và hiệu quả đối với ngành TP. Những quy định này cũng góp phần nâng cao ý thức của các TC&CN KDTP trong việc đảm bảo chất lượng và đáp ứng các yêu cầu an toàn, tạo ra sự phát triển bền vững của ngành TP. Cơ sở để đảm bảo công tác sản xuất và KDTP một cách an toàn và thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về ATTP là Luật ATTP 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hệ thống pháp lý về ATTP ở Việt Nam hiện nay đã được xây dựng khá toàn diện và đa dạng với nhiều văn bản pháp luật chi tiết nhằm đảm bảo việc kiểm soát về chất lượng ATTP và bảo vệ sức khỏe NTD. Các quy định về trách nhiệm của TC&CN KDTP tương đối rõ ràng, minh bạch. Thế nhưng, xét về tính ổn định thì một số văn bản PL về ATTP vẫn chưa đạt hiệu quả. Trong những năm qua, nhiều văn bản pháp lý được ban hành, tuy nhiên chưa được hệ thống hóa, và có sự chồng chéo

trong các quy định giữa các Luật, Thông Tư, Nghị định giữa các bộ ngành khác nhau. Điều này dẫn đến việc áp dụng và triển khai vào thực tiễn gặp khó khăn và thiếu tính khả thi.

Cụ thể, theo quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật ATTP 2010 về việc phân công trách nhiệm về ATTP chưa thực sự rõ ràng, còn chồng chéo về lĩnh vực quản lý giữa các Bộ. Một số ngành hàng không có sự phân định rõ cho Bộ nào phải chịu trách nhiệm quản lý. Ví dụ như “về việc quản lý chất lượng bún, hiện cả 3 bộ cùng chịu trách nhiệm: bột gạo, nguyên liệu thuộc Bộ NN&PTNT, sản phẩm tinh bột thuộc Bộ Công Thương, sản phẩm bún bán trên thị trường nếu chứa chất tinopal gây hậu quả người tiêu dùng thì lại thuộc trách nhiệm BYT.” [3]

“Quy định về quản lý ATTP đối với các chợ, siêu thị; quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, sản xuất thủ công như: miến, bún, phở, phở khô... chưa cụ thể, thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết”... [2].

1.2.2 Quy định về trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình kinh doanh

Trách nhiệm tuân thủ quy định các điều kiện BDAT trong quá trình KD như sau:

Một là, điều kiện về BDAT đối với TP : “Điều kiện chung về bảo đảm an toàn đối với thực phẩm; Điều kiện bảo đảm an toàn đối với TP tươi sống; Điều kiện bảo đảm an toàn đối với TP đã qua chế biến; Điều kiện bảo đảm an toàn đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm....” [4]

Cần lưu ý là theo khoản 3 điều 12 Luật ATTP 2010, “TP đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường”. Tổ chức, cá nhân SXTP có quyền “Quyết định và công bố các tiêu chuẩn sản phẩm do mình sản xuất, cung cấp” căn cứ theo Điểm a, khoản 1, điều 7 Luật ATTP 2010, đồng thời đây cũng là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP vì các tiêu chuẩn này là cơ sở để quản lý ATTP [5]. Theo khoản 5 điều 5 Luật ATTP 2010 quy định những hành vi bị cấm khi sản xuất, KD là “TP chưa được đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp TP đó thuộc diện phải được đăng ký bản công bố hợp quy” (Theo K5, Đ5). Đây cũng là căn cứ để “tổ chức, cá nhân sản xuất TP kịp thời ngừng sản xuất, thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả” [6].

Hai là, ĐKBĐ ATTP trong sản xuất [7], KDTP : “Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, KDTP; Điều kiện bảo đảm ATTP trong bảo quản TP; Điều kiện bảo đảm ATTP trong vận chuyển thực phẩm; Điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, KDTP nhỏ lẻ” [8].

Ba là, ĐKBĐ ATTP trong SX KDTP tươi sống [9] : “Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất TP tươi sống; Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở KDTP tươi sống” [10].

Bốn là, ĐKBĐ ATTP trong sơ chế [11], chế biến; KDTP đã qua chế biến [12] : “Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sơ chế, chế biến TP; Điều kiện bảo đảm ATTP đối với nguyên liệu, phụ gia TP, chất hỗ trợ chế biến TP, vi chất dinh dưỡng dùng để chế biến TP; Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở KDTP đã qua chế biến” [13].

Năm là, ĐKBĐ ATTP trong KD dịch vụ ăn uống : “Điều kiện bảo đảm ATTP đối với nơi chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống; Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở chế biến, kinh doanh dịch vụ ăn uống; Điều kiện bảo đảm ATTP trong chế biến và bảo quản TP” [14].

Sáu là, ĐKBĐ ATTP trong KD thức ăn đường phố [15] : “Điều kiện bảo đảm ATTP đối với nơi bày bán thức ăn đường phố; Điều kiện bảo đảm ATTP đối với nguyên liệu, dụng cụ ăn uống, chứa đựng TP và người kinh doanh thức ăn đường phố” [16].

Quy định về điều kiện cấp GCNCSDĐK ATTP theo Khoản 1 và Khoản 2, Điều 34 Luật ATTP 2010 quy định: “*a) Có đủ điều kiện bảo đảm ATTP phù hợp với từng loại hình sản xuất, KDTP theo quy định tại Chương IV Luật ATTP 2010; b) Có đăng ký ngành, nghề KDTP trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy CNCSDĐKATTP khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này*”.

Giấy CNCSDĐK ATTP là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, nhằm xác nhận rằng DN đã hoàn thiện các điều kiện pháp lý để sản xuất và KDTP an toàn. Giấy CNCSDĐKATTP, về cơ bản, là phương tiện xác nhận các điều kiện KD và Giấy CNCSDĐK ATTP nhằm mục đích ngăn ngừa ô nhiễm TP và bảo vệ sức khỏe, sự an toàn cho người tiêu dùng. Giấy CNCSDĐK ATTP không chỉ là một loại chứng nhận về điều kiện cơ sở mà còn là cơ sở pháp lý để các cơ sở sản xuất, KDTP thực hiện các nghĩa vụ công bố sản phẩm phù hợp với quy định về ATTP.

Pháp luật cũng quy định một số cơ sở không thuộc diện cấp Giấy CNCSDĐK ATTP như sau: “*a) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; b) Sản xuất, KDTP không có địa điểm cố*

định; c) *Sơ chế nhỏ lẻ*; d) *KDTP nhỏ lẻ*; đ) *KDTP bao gói sẵn*; e) *Sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm*; g) *Nhà hàng trong khách sạn*; h) *Bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề KDTP*; i) *Kinh doanh thức ăn đường phố*; k) *Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000, Tiêu chuẩn TP quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về ATTP (BRC), Chứng nhận hệ thống ATTP (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực*” (Căn cứ Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP). Tuy nhiên dù cho các cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy CNCSDĐK ATTP thì vẫn cần tuân theo các ĐK về ATTP trong QTKD và chịu trách nhiệm về ATTP của sản phẩm KD trên thị trường.

Mặc dù đã có các văn bản hướng dẫn cụ thể về việc cấp Giấy CNCSDĐK ATTP cho các TC&CN sản xuất và KDTP từ 3 bộ (Y tế, Công thương, NN&PTNT). Tuy nhiên, để có thể xác định rõ đối tượng không thuộc diện phải cấp Giấy CNCSDĐK ATTP thì các văn bản hướng dẫn vẫn chưa thực sự rõ ràng và hợp lý. Điều đó làm cho việc xác định đối tượng thuộc diện không cần cấp Giấy CNCSDĐK ATTP gặp khó khăn hoặc với đối tượng cần cấp Giấy CNCSDĐK ATTP thì lại bỏ sót. Thông tư số 26/2012/TT-BYT của Bộ Y tế quy định rằng các cơ sở sản xuất TP chức năng ban đầu và cơ sở KD nhỏ, không yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt, không bắt buộc phải cấp Giấy CNCSDĐK ATTP. Điều này có nghĩa là những cơ sở sản xuất TP chức năng ở quy mô nhỏ hoặc không có yêu cầu bảo quản nghiêm ngặt không cần phải có giấy chứng nhận ATTP. Thông tư số 58/2014/TT-BCT của Bộ Công thương quy định rằng cơ sở KDTP nhỏ lẻ là những cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân hoặc hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. Tuy nhiên, với cách phân loại như vậy, có thể sẽ có những cơ sở không được xác định đúng đắn, dẫn đến một số cơ sở sản xuất, KDTP không làm thủ tục cấp Giấy CNCSDĐK ATTP dù thực tế họ có thể cần làm thủ tục này. Qua đó thấy rằng cách xác định một cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh là "nhỏ lẻ" được lý giải chung chung là hoạt động sản xuất, KD theo quy mô hộ gia đình hoặc hộ cá thể. Tuy nhiên, cách phân loại này khá mơ hồ, vì không có tiêu chí cụ thể nào để phân biệt rõ ràng các cơ sở nhỏ lẻ và các cơ sở có quy mô lớn hơn. Điều này có thể dẫn đến sự khó khăn trong việc áp dụng các quy định một cách chính xác. Đồng thời, việc phân loại cơ sở sản xuất, KDTP theo quy mô hộ gia đình hoặc hộ cá thể có thể khiến một số cơ sở sản xuất TP có quy mô vừa và nhỏ, nhưng không phải là hộ gia đình hay hộ cá thể, bị bỏ sót. Để các cơ quan nhà nước không gặp

khó khăn trong việc xác định đối tượng cần cấp Giấy CNCSDĐK ATTP, cũng như để đảm bảo rằng tất cả các cơ sở sản xuất, KDTP đều tuân thủ đầy đủ các quy định về ATTP, cần có các quy định cụ thể hơn về tiêu chí xác định như thế nào là “nhỏ lẻ”.

Khoản 1 Điều 36 Luật ATTP 2010 quy định: “Hồ sơ xin cấp Giấy CNCSDĐK ATTP gồm có: a) Đơn đề nghị cấp Giấy CNCSDĐKATTP ; b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh ATTP theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, KDTP do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; đ) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh TP của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, KDTP theo quy định của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành”.

Theo Đ37 Luật ATTP 2010, “Giấy CNCSDĐK ATTP có hiệu lực trong thời gian 03 năm. Trước 06 tháng tính đến ngày Giấy CNCSDĐKATTP hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, KDTP phải nộp hồ sơ xin cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh”.

Theo quy định nêu trên, các cơ sở sản xuất, KDTP thuộc đối tượng phải cấp GCNCSĐĐKATTP theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP (ngoại trừ các đối tượng được quy định tại Điều 12) phải đáp ứng đủ các yêu cầu bảo đảm ATTP phù hợp với từng loại hình sản xuất, KDTP theo các tiêu chuẩn của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP.

Khoản 5 Điều 10 NĐ số 17/2020/NĐ-CP đã sửa đổi bổ sung cho Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28 của NĐ số 77/2016/NĐ-CP: “1. Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận...2. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp.”

Khoản 9 Điều 10 NĐ số 17/2020/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung cho Khoản 1 Điều 32 của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP: “1. Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 28 Nghị định này”.

Qua đó, Cơ sở sản xuất và KDTP muốn được cấp Giấy CNCSDĐK ATTP, thì phải đảm bảo quy định “Người trực tiếp sản xuất, người trực tiếp KDTP phải được tập

huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận”. Điều này không chỉ giúp đảm bảo chất lượng và ATTP mà còn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về ATTP.

Theo quy định tại K2 Đ3 TT số 43/2018/TT-BCT:2. “Chủ cơ sở là người đại diện theo pháp luật của cơ sở (theo Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) hoặc người được thuê, giao điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất, KDTP tại cơ sở.”

Như vậy, chủ cơ sở sản xuất, KDTP phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện tập huấn kiến thức ATTP cho chính mình và người lao động trực tiếp tham gia sản xuất, KDTP theo QĐPL. Nếu không thực hiện theo quy định này thì sẽ bị xử phạt hành chính căn cứ vào Điều 9, NĐ số 115/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi NĐ 124/2021/NĐ-CP.

1.2.3 Quy định về trách nhiệm thông tin trung thực về an toàn thực phẩm ; thông tin điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm

Luật BVQLNTD, tại Đ21, quy định các tổ chức và cá nhân KD phải đưa ra đầy đủ và đúng các thông tin sau: “a) Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bao gồm: đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá, xuất xứ hàng hóa, thời hạn sử dụng, phí, chi phí, phương thức, thời hạn giao hàng, phương thức vận chuyển, thanh toán; b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh; c) Nhận xét, đánh giá của NTD về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh (nếu có)”.

Các TC&CN KDTP có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực về ATTP trên bao bì sản phẩm của mình. Các thông tin này phải rõ ràng và chính xác, bao gồm các thông tin về ATTP, điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, và sử dụng TP...Theo khoản 1 Điều 44 Luật ATTP 2010, “tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến TP tại Việt Nam phải thực hiện việc ghi nhãn TP theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Đối với thời hạn sử dụng TP thể hiện trên nhãn thì tùy theo loại sản phẩm được ghi là “hạn sử dụng”, “sử dụng đến ngày” hoặc “sử dụng tốt nhất trước ngày”.

TC&CN KDTP có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và rõ ràng về các sản phẩm TP để bảo đảm an toàn và quyền lợi của NTD, với những trách nhiệm sau đây:

Trước hết, cung cấp thông tin về nguồn gốc TP để NTD có thể kiểm tra và xác minh trong trường hợp cần thiết như là thành phần chính, phụ gia, chất bảo quản, chất

tạo màu, chất tạo mùi, và các chất phụ trợ khác; Cung cấp thông tin về nguồn gốc các thành phần, bao gồm nguồn gốc động vật hay thực vật và các thông tin liên quan; Cung cấp thông tin về nguồn gốc sản phẩm, bao gồm thông tin về nhà sản xuất, nhà phân phối và các thông tin liên quan đến địa chỉ và phương thức liên lạc.

Thứ hai là thông tin về thời gian sử dụng và phương pháp bảo quản thực phẩm, cụ thể là: Cung cấp thông tin về ngày sản xuất, ngày hết hạn hoặc thời gian sử dụng tối đa sau khi sản phẩm đã mở bao bì (nếu có); Cung cấp hướng dẫn về cách bảo quản sản phẩm thực phẩm để đảm bảo an toàn và giữ nguyên chất lượng, bao gồm nhiệt độ lưu trữ, phương pháp bảo quản sau khi mở bao bì, cùng với các yêu cầu đặc biệt khác (nếu có).

Thứ ba, thông tin về công dụng và tác dụng không mong muốn, cụ thể là: Cung cấp thông tin về công dụng, hiệu quả dự kiến và cách sử dụng sản phẩm TP; Cung cấp cảnh báo về những tác dụng phụ có thể xảy ra khi sử dụng sản phẩm và hướng dẫn cách xử lý khi gặp phải các phản ứng không mong muốn.

Thứ tư, thông tin về bảo vệ sức khỏe và an toàn, cụ thể là các thông tin nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn cho NTD, bao gồm hướng dẫn về VSATTP, cách xử lý sản phẩm, và các biện pháp phòng ngừa rủi ro liên quan.

Các thông tin trên phải được cung cấp một cách dễ hiểu, rõ ràng và không gây hiểu nhầm cho NTD. TC&CN KDTP cần tuân thủ các QĐPL về thông tin sản phẩm và bảo đảm tính trung thực, minh bạch khi cung cấp thông tin cho NTD.

Liên quan đến trách nhiệm thông tin của TC&CN KDTP, trong pháp luật về ATTP có quy định về trách nhiệm tự đăng ký sản phẩm và đăng ký bản công bố sản phẩm, theo đó, *“Tổ chức, cá nhân sản xuất, KDTP thực hiện tự công bố TP đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với TP (sau đây gọi chung là sản phẩm)”* [17], *“Tổ chức, cá nhân sản xuất, KDTP phải đăng ký bản công bố sản phẩm đối với các sản phẩm sau đây: 1. TP bảo vệ sức khỏe, TP dinh dưỡng y học, TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt. 2. Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi. 3. Phụ gia TP hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia TP không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong TP hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định”* [18].

1.2.4 Quy định về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại khi thực phẩm không bảo đảm an toàn

Nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn và thể hiện rõ vai trò của NTD trong xu hướng tiêu dùng hiện đại, Luật BVQL NTD năm 2023 đã bổ sung các quy định về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Cụ thể, luật này đã đưa ra khái niệm về tiêu dùng bền vững, quy định các hoạt động thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, đồng thời quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, và UBND các cấp trong việc triển khai các hoạt động này. Khoản 3 Điều 8 của Luật BVQL NTD năm 2023 cũng xác định rõ trách nhiệm của TC&CN KD, trong đó đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp phù hợp với các nhóm NTD dễ bị tổn thương. Luật cũng bổ sung đối tượng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật do tổ chức, cá nhân cung cấp gây ra thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD, ngay cả khi không có lỗi hoặc không biết về khuyết tật đó. Cụ thể, các tổ chức, cá nhân KD sau đây: “(i) Sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá; (ii) Gắn tên thương mại lên sản phẩm, hàng hoá hoặc dùng nhãn hiệu, chỉ dẫn thương mại khác cho phép nhận biết đó là bên sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá; (iii) Bên hoạt động trung gian thương mại với sản phẩm, hàng hoá [19]; (iv) Bên trực tiếp cung cấp hàng hoá, sản phẩm cho NTD; (v) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan”.

Nếu không xác định được các đối tượng liên quan, thì bên trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho NTD sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho NTD, trừ khi có quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp nhiều TC&CN KD cùng gây ra thiệt hại, các bên liên quan phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho NTD. Việc bồi thường sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên và tuân thủ các QĐPL dân sự cũng như các quy định pháp lý khác.

TC&CN KDTP có trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả khi TP không bảo đảm an toàn, cụ thể là: “(i) Kịp thời cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn của TP và cách phòng ngừa cho NTD khi nhận được thông tin cảnh báo của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; (ii) Kịp thời ngừng kinh doanh, thông tin cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và NTD khi phát hiện TP không bảo đảm an toàn; (iii) Báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền và khắc phục ngay hậu quả khi phát hiện ngộ độc TP hoặc bệnh truyền qua TP do mình kinh doanh gây ra; (iii) Hợp tác với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra ngộ độc TP để

khắc phục hậu quả, thu hồi hoặc xử lý TP không bảo đảm an toàn; (iv) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi TP mất an toàn do mình kinh doanh gây ra”.

Việc xử lý và khắc phục hậu quả khi TP không an toàn là yếu tố quan trọng để bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của NTD. Khi TP không đảm bảo an toàn, TC&CN KDTP cần thực hiện trách nhiệm xử lý và khắc phục hậu quả, bao gồm các trách nhiệm sau:

Thứ nhất là thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng có thẩm quyền về sự cố, nhằm kịp thời can thiệp và ngừng phát tán sản phẩm không an toàn ra thị trường. Thông báo rộng rãi cho NTD và các bên liên quan (nhà phân phối, đại lý, nhà bán lẻ) về các sản phẩm bị ảnh hưởng, yêu cầu ngừng tiêu thụ hoặc sử dụng.

Thứ hai là TC&CN KD phải ngừng cung cấp và thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn ngay lập tức khỏi các kênh phân phối, bán lẻ, và các cơ sở tiêu thụ khác để ngừng phát tán ra thị trường. Thu hồi toàn bộ hàng hóa TP không đảm bảo chất lượng, BVQL NTD và ngăn chặn nguy cơ thiệt hại thêm.

Thứ ba là TC&CN KDTP phải bồi thường thiệt hại cho người NTD nếu có thiệt hại về sức khỏe, tính mạng hoặc tài sản do TP không đảm bảo an toàn gây ra. Việc bồi thường này có thể bao gồm việc chi trả chi phí điều trị, hỗ trợ người bị ngộ độc TP hoặc các thiệt hại khác nếu có theo QĐPL.

Thứ tư là khắc phục nguyên nhân gây ra sự cố: TC&CN phải xác định nguyên nhân gây ra sự cố và có biện pháp khắc phục để đảm bảo sản phẩm trong tương lai không gây nguy hiểm cho NTD.

Thứ năm là cải thiện quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản để nâng cao chất lượng sản phẩm và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ATTP.

Về trách nhiệm bồi thường khi TP không an toàn, Luật ATTP 2010 và Nghị định 15/2018/NĐ-CP không đề cập đến các quy định liên quan đến nghĩa vụ dân sự của các TC&CN KDTP. Căn cứ pháp lý liên quan đến vấn đề này ở pháp luật Việt Nam chủ yếu căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015 và Luật BVQL NTD, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Dù vậy, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có sự thống nhất về các yếu tố cấu thành và cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong việc đảm bảo khuyết tật và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

TP khi được sản xuất và cung cấp cho NTD, thường có sự tham gia của các TC&CN khác nhau và qua nhiều bước khác nhau. Vì vậy, nếu TP không đảm bảo an toàn, thì có thể một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác nhau cùng chịu trách nhiệm bồi

thường thiệt hại. Bảo đảm ATTP là “trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, KDTP...” và *“tổ chức, cá nhân sản xuất, KDTP vi phạm pháp luật về ATTP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật”*. (Khoản 1 và 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 6 Luật ATTP 2010)

Tóm lại, các TC&CN sản xuất, KDTP là các chủ thể chính chịu trách nhiệm về ATTP. Luật ATTP 2010 quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho hai đối tượng là nhà sản xuất và nhà kinh doanh theo các điều khoản khác nhau. Theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 7 của Luật, các TC&CN sản xuất thực phẩm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu TP không an toàn do lỗi của mình. Tương tự, điểm 1 khoản 2 Điều 8 của Luật quy định rằng TC&CN KDTP cũng phải bồi thường thiệt hại nếu TP do mình KD không đảm bảo an toàn.

Căn cứ vào những quy định trên thì khi phát sinh sự cố về ATTP, hay nói cách khác là khi TP có vấn đề gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của NTD thì tổ chức, cá nhân sản xuất, KDTP phải chịu trách nhiệm bồi thường và đây là vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài đồng, và là loại trách nhiệm phát sinh khi “giữa các chủ thể mà trước đó không có quan hệ hợp đồng hoặc tuy có quan hệ hợp đồng nhưng hành vi của người gây thiệt hại không thuộc về nghĩa vụ thi hành hợp đồng đã ký kết” [20].

Đối với việc khắc phục sự cố về ATTP: *“Tổ chức, cá nhân cung cấp TP mà gây ngộ độc phải chịu toàn bộ chi phí điều trị cho người bị ngộ độc và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự”*. (theo Khoản 5 Điều 53 Luật ATTP 2010)

TC&CN sản xuất TP không an toàn gây thiệt hại cho NTD thì chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho việc sản xuất TP không an toàn đó. Nhưng thực tế, khi xảy ra rủi ro về ATTP thì việc xác định tổ chức, cá nhân bồi thường là vô cùng khó khăn bởi vì *“sản xuất TP là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản để tạo ra thực phẩm”*. Vì thế khi xảy ra vấn đề ATTP việc xác định là do công đoạn nào để chịu trách nhiệm bồi thường là một vấn đề phức tạp, tốn thời gian và chi phí, đòi hỏi sự tích cực tham gia của các cơ quan chức năng trong việc thi hành pháp luật BVQL NTD.

Ví dụ: khi có một vụ ngộ độc TP xảy ra thì chúng ta cần phải xác định được nguyên nhân gây ngộ độc là từ nguyên liệu hay từ khâu chế biến hoặc do cả hai để có

thể xác định chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường. Nếu nguyên nhân từ cả nguyên liệu và khâu chế biến thì các chủ thể có thể phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại theo QĐPL. Tuy nhiên, việc tìm ra nguyên nhân gây ngộ độc TP là vấn đề phức tạp, do đó, việc xác định chủ thể có trách nhiệm bồi thường sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi đó, các QĐPL liên quan đến việc xác định chủ thể bồi thường còn chưa đồng bộ, đặc biệt là quy định của Luật BVQLNTD đặt ra yêu cầu xác định chủ thể bồi thường là nhà sản xuất, nhà nhập khẩu... rồi mới đến chủ thể trực tiếp cung cấp hàng hóa. Điều này càng gây khó khăn cho NTD trong việc yêu cầu bồi thường khi có thiệt hại do hàng hóa có khuyết tật nói chung và TP không an toàn nói riêng” [21].

1.3. Tầm quan trọng của quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

Trách nhiệm của TC&CN KDTP đối với ATTP là vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe NTD. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của các cơ sở sản xuất và KDTP là đảm bảo rằng các sản phẩm TP phải đạt tiêu chuẩn về VSATTP. Việc không tuân thủ các quy định này có thể dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng như ngộ độc TP, dị ứng TP, hoặc các bệnh truyền qua TP. Những sự cố này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của NTD mà còn có thể gây ra sự hoang mang trong cộng đồng. Các QĐPL về trách nhiệm của TC&CN KDTP yêu cầu các cơ sở sản xuất TP phải tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh trong suốt quá trình từ sản xuất, chế biến, bảo quản cho đến khi sản phẩm đến tay NTD. Điều này giúp giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến TP, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Các quy định pháp lý về trách nhiệm của TC&CN KDTP giúp minh bạch hóa thông tin về chất lượng sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ, thành phần, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản và các yếu tố liên quan đến ATTP. Khi các cơ sở sản xuất và KDTP thực hiện đúng trách nhiệm ghi nhãn sản phẩm, cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ, NTD sẽ cảm thấy an tâm hơn khi sử dụng sản phẩm. Hơn nữa, khi các TC&CN KDTP thực hiện trách nhiệm pháp lý, họ không chỉ đảm bảo về chất lượng mà còn xây dựng uy tín và danh tiếng cho thương hiệu của mình, góp phần tạo ra một môi trường cạnh tranh công bằng và minh bạch. Giúp tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp TP tại quốc gia. Các QĐPL về trách nhiệm của TC&CN KDTP giúp cơ quan nhà nước thực hiện quản lý và giám sát chặt chẽ hơn đối với ngành TP. Các cơ quan chức năng có thể dễ dàng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm, đồng thời hỗ trợ các cơ sở sản xuất TP thực

hiện đúng các quy định về VSATTP. Điều này giúp giảm thiểu tình trạng TP bẩn, kém chất lượng và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Học viên đã tiến hành phân tích các khái niệm và đặc điểm, phân loại và vai trò của các TC&CN KDTP, đồng thời làm rõ các trách nhiệm pháp lý mà các đối tượng này phải thực hiện trong suốt quá trình hoạt động KDTP. Học viên đã đề cập đến các đặc điểm cơ bản của các TC&CN trong lĩnh vực KDTP, chỉ ra tầm quan trọng của họ trong chuỗi cung ứng TP và trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Bằng cách xác định rõ ràng các trách nhiệm pháp lý của các tổ chức và cá nhân này, học viên không chỉ nêu lên nghĩa vụ phát sinh khi có hành vi vi phạm QĐPL mà còn làm rõ những nhiệm vụ và trách nhiệm mà họ phải chủ động thực hiện ngay từ khi bắt đầu quy trình sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ TP. Những trách nhiệm này không chỉ đơn thuần là việc tuân thủ các quy định về ATTP, mà còn bao gồm việc BVQL NTD và đảm bảo rằng tất cả các hoạt động KDTP của họ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn đã được quy định trong pháp luật. Học viên nhấn mạnh rằng các TC&CN KDTP cần chủ động thực hiện các nghĩa vụ này một cách liên tục và nghiêm túc trong toàn bộ quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ TP, qua đó bảo vệ lợi ích của cộng đồng và đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành TP.

Ngoài ra, học viên cũng đã trình bày tổng quan về hệ thống các quy định pháp lý hiện hành liên quan đến trách nhiệm của các TC&CN KDTP, chỉ ra sự cần thiết phải có một khung pháp lý chặt chẽ, toàn diện và rõ ràng để bảo vệ an toàn sức khỏe cộng đồng, đồng thời duy trì sự công bằng và minh bạch trong các hoạt động KDTP. Các quy định này không chỉ nhằm điều chỉnh hành vi của các TC&CN KDTP khi có vi phạm, mà còn có tác dụng khuyến khích họ thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm một cách chủ động, góp phần tạo ra một môi trường TP an toàn, bảo vệ sức khỏe NTD và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành TP.

Những nội dung trong Chương 1 là nền tảng lý thuyết vững chắc cho việc nghiên cứu thực tiễn về việc áp dụng các QĐPL liên quan đến trách nhiệm của các TC&CN KDTP tại tỉnh Bình Thuận. Đồng thời có vai trò quan trọng trong việc làm rõ các vấn đề và vướng mắc trong việc thực thi pháp luật về ATTP tại địa phương, từ đó cung cấp cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp cải thiện và hoàn thiện hệ thống pháp lý về ATTP trong tại địa phương.

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM TẠI TỈNH BÌNH THUẬN.

2.1 Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.

2.1.1 Khái quát thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, các TC&CN KDTP ngày càng chú trọng vào mục tiêu lợi nhuận và tìm kiếm những cơ hội KD có thể mang lại nguồn thu. Và, trong quá trình này, không ít trong số họ vì tham lam và chạy theo lợi ích ngắn hạn mà bỏ qua những yếu tố quan trọng như bảo vệ sức khỏe và tính mạng của NTD. Chính vì vậy, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các sở, ngành từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, trong việc quản lý và giám sát ATTP trở nên vô cùng quan trọng và cấp thiết, đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng từ tất cả các bên liên quan. Để đạt được hiệu quả trong công tác quản lý ATTP, các đơn vị có trách nhiệm quản lý cần chủ động tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực tế của địa phương, làm rõ các nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến ATTP. Việc này không chỉ bao gồm việc kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, chế biến và tiêu thụ TP, mà còn cần phải lập kế hoạch và thực hiện các chương trình hành động chi tiết và rõ ràng cụ thể. Trước tình hình đó, Sở Y tế đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thay thế cho Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 [22]. Thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 492/KH-UBND ngày 15/02/2017 về thực hiện Chỉ thị 16-CT/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 2307/KH-UBND ngày 19/6/2017 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 55/KH-TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 2698/KH-UBND ngày 18/7/2012 về thực hiện “Chiến lược Quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” [23]. Để thực thi Luật ATTP năm 2010, các Sở, ban, ngành có liên quan ở địa phương đã tư vấn cho Tỉnh ủy và UBND ban hành các văn bản chỉ đạo, nhằm triển khai công tác bảo đảm ATTP đạt hiệu quả tại tỉnh Bình Thuận bao gồm: Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc ban hành Chương trình quản lý chất lượng, ATTP nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn

2021-2025; Kế hoạch số 486/KH-BCĐLNVSATTP ngày 13/02/2020 về triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 về ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2021. Từ ngày 01/01/2020 đến 30/6/2021, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành 18 văn bản, UBND thị xã LaGi đã ban hành 24 văn bản, UBND thành phố Phan Thiết đã ban hành 23 văn bản, UBND huyện Hàm Thuận Bắc đã ban hành 17 văn bản, UBND huyện Hàm Thuận Nam đã ban hành 12 văn bản chỉ đạo về lĩnh vực an toàn vệ sinh TP. Ngoài ra vào năm 2015 UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 76/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 về quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Bình Thuận” dùng cho quả thanh long, QĐ số 37/2015/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 ban hành quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Phan Thiết” dùng cho sản phẩm nước mắm. Hiện nay, Sở Công Thương phân công Phòng Quản lý thương mại làm đầu mối tham mưu về công tác quản lý nhà nước về ATTP, Sở Y tế phân công Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm (thành lập ngày 01/10/2021) tham mưu về công tác quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh TP, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công Chi cục quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản làm đầu mối tổng hợp tham mưu về quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố cũng đã thành lập Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm do Chủ tịch UBND cấp huyện làm trưởng ban. [23]

Các văn bản trên là căn cứ để các TC&CN KD thực hiện nghĩa vụ tuân thủ các ĐKBĐAT đối với sản phẩm trong quá trình KD và chịu trách nhiệm về ATTP của sản phẩm mình cung cấp. Cụ thể, trách nhiệm này bao gồm việc đảm bảo các điều kiện để được cấp GCNĐĐK ATTP, tự công bố và đăng ký bản công bố sản phẩm trong lĩnh vực ATTP.

2.1.2 Thực tiễn áp dụng quy định về trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.

Theo học viên, việc áp dụng các quy định về trách nhiệm tuân thủ các ĐKBĐAT đối với sản phẩm trong quá trình KD và chịu trách nhiệm về ATTP tại tỉnh Bình Thuận được thể hiện qua ba vấn đề chính. Thứ nhất là thực tiễn cấp GCNCSDĐK ATTP. Thứ hai là thực tiễn quản lý việc tuân thủ các ĐKBĐAT đối với sản phẩm trong quá trình

KD đối với các cơ sở không phải cấp GCNCSDĐK ATTP. Thứ ba là thực tiễn công tác kiểm tra và xử lý các TC&CN KDTP không tuân thủ các ĐKBĐAT.

❖ Thực tiễn cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Tại tỉnh Bình Thuận, cũng như ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, GCNCSDĐK ATTP sẽ được cấp bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền, tùy thuộc vào từng loại hình sản phẩm KD cụ thể. Sở Y tế tỉnh Bình Thuận đã tư vấn cho UBND tỉnh thực hiện phân cấp quản lý và cấp GCNCSDĐK ATTP đối với các dịch vụ ăn uống cho 8 huyện, 1 thị xã, và 1 thành phố. Đồng thời, Sở cũng tổ chức tập huấn, hướng dẫn công tác quản lý các cơ sở KD dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố cho 127 xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

Tính đến hết năm 2021, ngành Y tế quản lý 1.576 cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đã cấp giấy đủ điều kiện đối với 1.193 cơ sở (Tuyên tỉnh đã cấp 354/389 cơ sở, tuyên huyện đã cấp 839/1.187 cơ sở, đạt tỷ lệ 71%). Ngành Công Thương đã cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 266/457 cơ sở thuộc diện cấp giấy theo phân công, phân cấp quản lý. Ngành Nông nghiệp đã có 428 cơ sở được cấp giấy chứng nhận ATTP/467 cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận ATTP. [23]

Tính đến ngày 30/6/2021, Ngành Y tế quản lý 7.796 cơ sở chế biến, KDTP; trong đó, cơ sở thuộc diện cấp GCNCSD ĐK ATTP là 1.274 cơ sở KD dịch vụ ăn uống, 302 cơ sở sản xuất TP, đến nay đã cấp GCNCSD ĐK ATTP còn hiệu lực 1.156/1576 cơ sở (đạt tỷ lệ 73%). Đối với các chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến TP, chất bảo quản TP thì trên địa bàn tỉnh không có cơ sở sản xuất, KD. Người sản xuất chủ yếu mua từ các cơ sở ở TP. HCM mang về sử dụng. Trên địa bàn tỉnh có 226 cơ sở sản xuất nước uống đóng chai và 01 cơ sở sản xuất nước khoáng thiên nhiên, tất cả các cơ sở đã được cấp GCNCSD ĐK ATTP và các cơ sở thực hiện tự công bố sản phẩm theo quy định. Đối với TP chức năng thì hiện nay các cơ sở KDTP chức năng chủ yếu bán tại các nhà thuốc, quầy thuốc đã được cấp giấy chứng nhận GMP, GPP. [24]

Việc cấp GCNCSD ĐK ATTP cho các cơ sở sản xuất, KDTP được thực hiện theo các Thông tư: số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/03/2011, số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014, và số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về thẩm định và chứng nhận các cơ sở sản xuất, KDTP nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP. Tại tỉnh Bình Thuận, ngành Nông nghiệp đã cấp

Giấy chứng nhận ATTP cho 428/467 cơ sở thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận ATTP. [23]

Theo số liệu thống kê, năm 2022 trên địa bàn tỉnh có trên 250 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, trong đó có 51 cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh. Trên địa bàn tỉnh có 25 cơ sở chế biến thịt và sản phẩm từ thịt. Ngoài một vài cơ sở có quy mô tương đối thì còn lại là các cơ sở chế biến giò chả thịt quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, sản xuất thủ công.

Đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản thì toàn tỉnh có 480 cơ sở nuôi trồng thủy sản, có 08 cơ sở thuộc diện thẩm định, cấp GCNCSDĐK ATTP. Giai đoạn 2011-2021 đã tổ chức thẩm định 67 lượt cơ sở, cấp GCNCSDĐK ATTP cho 9/9 cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc diện cấp giấy.

Toàn tỉnh có 245 cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản (thu mua, sơ chế: 49 cơ sở; chế biến thủy sản đông lạnh, khô: 87 cơ sở; chế biến nước mắm: 109 cơ sở). Hầu hết các cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản đều được cấp GCNCSDĐK ATTP. (năm 2021 số cơ sở được chứng nhận 241/245 cơ sở, đạt tỷ lệ 98,4%). [23]

Sở Công Thương tỉnh Bình Thuận đã thực hiện đúng theo trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP, tham mưu và thực hiện quản lý đối với các lĩnh vực như bia, rượu, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, bánh, mứt, kẹo... Công tác quản lý và cấp GCNCSDĐK ATTP cho các cơ sở, doanh nghiệp KD rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, bánh, mứt, kẹo trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BCT, Thông tư số 58/2014/TT-BCT, Thông tư số 43/2018/TT-BCT, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Tính đến hết năm 2021, Ngành Công Thương đã cấp GCNCSDĐK ATTP cho 266/457 cơ sở thuộc diện cấp giấy theo phân công, phân cấp quản lý. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 137 chợ, có 3 siêu thị, 01 trung tâm thương mại, 62 cửa hàng tiện lợi. Các hệ thống chuỗi cửa hàng đảm bảo chất lượng ATTP, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đã được Sở Công Thương cấp GCNCSDĐK ATTP. Hằng năm, Sở Công Thương tổ chức mở các lớp tập huấn kiến thức về ATTP cho các đối tượng nhằm phổ biến kiến thức, QĐPL về ATTP, tránh KD hàng giả, hàng kém chất lượng, không đảm bảo ATTP, góp phần phòng chống ngộ độc TP, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng. [25]

Thực tiễn quản lý tuân thủ các ĐKBĐAT đối với TP trong quá trình kinh doanh đối với cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Đối với các cơ sở sản xuất, KDTP không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận ATTP, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018, quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở sản xuất, KD nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp GCNCSDĐK ATTP, thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN&PTNT.

Để triển khai Thông tư 17, UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022, quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP đối với nông, lâm, thủy sản trong phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Quyết định này cũng xác định các cơ sở không thuộc diện cấp GCNCSDĐK ATTP, bao gồm các cơ sở sau:

- “Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu TP ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” (Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018).

- “Cơ sở sản xuất, kinh doanh (TP nông lâm thủy sản) không có địa điểm cố định, trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên là các cơ sở sản xuất, kinh doanh thường xuyên thay đổi địa điểm như tàu cá có chiều dài lớn nhất nhỏ hơn 15 mét, những người bán hàng rong, buôn chuyển”,...

- “Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ: sơ chế TP là việc xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nhằm tạo ra TP tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu TP hoặc bán thành phẩm cho khâu chế biến TP” (Luật ATTP số 55/2010/QH12). “Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ là cơ sở sơ chế TP ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” (Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018), ví dụ: cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ.

- “Cơ sở KDTP nhỏ lẻ (TP nông lâm thủy sản): là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.” (Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018). Ví dụ: Cửa hàng kinh doanh rau củ quả, trái cây, thịt, thủy hải sản (kho lạnh).

- KDTP bao gói sẵn (TP nông lâm thủy sản): Theo khái niệm được nêu tại Luật ATTP số 55/2010/QH12 thì “TP bao gói sẵn là TP được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến tiếp hoặc sử dụng để ăn ngay”. Ví dụ: cơ sở kinh doanh thịt, rau, thủy hải sản đã được đóng gói; nước mắm, ruốc đóng hộp; nem chả”.

Các cơ sở không thuộc diện cấp GCNCSDĐK ATTP, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Bình Thuận đã tổ chức yêu cầu các cơ sở ký cam kết sản xuất TP an toàn và đảm bảo ATTP. Các cơ sở này phải cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về ATTP theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó chủ yếu là tuân thủ các quy định của Luật ATTP 2010, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP, bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

Đối với cơ sở sản xuất ban đầu: “*Bảo đảm các điều kiện về đất canh tác, nguồn nước, địa điểm sản xuất để sản xuất TP an toàn; Tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng giống cây trồng, giống vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, chất tăng trọng, chất phát dục, chất bảo quản TP và các chất khác có liên quan đến ATTP ; Tuân thủ quy định về kiểm dịch, vệ sinh thú y trong giết mổ động vật; về kiểm dịch thực vật đối với sản phẩm trồng trọt; Thực hiện việc xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất khử độc khi sử dụng phải bảo đảm an toàn cho con người và môi trường; lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu TP và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất*”.

Đối với cơ sở KDTP nhỏ lẻ, bao gói sẵn, không có địa điểm cố định: “*Có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm; Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ KDTP; Có trang thiết bị phù hợp để KDTP không gây độc hại, gây ô nhiễm cho thực phẩm; Tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp KDTP; Thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Bảo đảm và duy trì vệ sinh nơi kinh doanh; lưu giữ thông tin liên quan đến việc mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc thực phẩm*”.

Đối với cơ sở sơ chế thực phẩm: “*Có địa điểm, diện tích thích hợp, có khoảng cách an toàn đối với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác; Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ sơ chế, KDTP; Có đủ trang thiết bị phù hợp để xử lý nguyên liệu, chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển các loại TP khác nhau;*

có đủ trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện rửa và khử trùng, nước sát trùng, thiết bị phòng, chống côn trùng và động vật gây hại; Có hệ thống xử lý chất thải và được vận hành thường xuyên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Duy trì các điều kiện bảo đảm ATTP và lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu TP và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, KDTP; Tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất, KDTP; Quy trình sơ chế phải bảo đảm TP không bị ô nhiễm chéo, tiếp xúc với các yếu tố gây ô nhiễm hoặc độc hại”.

Tính đến hết năm 2021, các đơn vị thuộc chức năng của ngành y tế đã tổ chức ký cam kết bảo đảm ATTP đối với 430/430 cơ sở bếp ăn tập thể trường học, 55/55 cơ sở dịch vụ nấu ăn lưu động, 4.505/5.593 cơ sở KD thức ăn đường phố. Các lĩnh vực cơ sở thuộc ngành công thương, các cấp đã hướng dẫn, ký bản cam kết đảm bảo ATTP đối với 2.363/3.117 cơ sở không thuộc diện cấp GCNCSDK ATTP theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP. Giai đoạn từ 2011 đến 2021, ngành Nông nghiệp đã tổ chức ký cam kết bảo đảm ATTP đối với cơ sở không thuộc diện cấp GCNCSDK ATTP cho 28.645 hộ. (Trong đó: Tàu cá 3.882 chiếc; chăn nuôi 7.107 hộ; trồng trọt 15.746 hộ; nuôi trồng thủy sản: 398 hộ; sơ chế nhỏ lẻ: 243 hộ; kinh doanh: 1.269 hộ). Thực tế việc quản lý cơ sở gặp khó khăn do nhóm đối tượng này đa số có quy mô nhỏ lẻ, hình thức hộ gia đình, thường xuyên thay đổi địa điểm và làm theo thời vụ. [23]

❖ Thực tiễn kiểm tra, xử lý tổ chức, cá nhân KDTP không tuân thủ các ĐKBĐAT

Thực tiễn kiểm tra và xử lý các TC&CN KDTP không tuân thủ các điều kiện bảo đảm ATTP có thể được thực hiện theo quy trình và quy định của các cơ quan quản lý ATTP trong các lĩnh vực Nông lâm thủy sản, Y tế, Công Thương. Các phương pháp và biện pháp thông thường bao gồm:

Thứ nhất, kiểm tra và giám sát: Các cơ quan chức năng như Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, cùng các cơ quan quản lý thực phẩm tại các cấp địa phương có trách nhiệm thực hiện kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các quy định về ATTP. Công tác kiểm tra bao gồm việc kiểm tra các điều kiện vệ sinh, quy trình sản xuất, bảo quản và vận chuyển TP, chất lượng sản phẩm, sự tuân thủ các quy định về phân loại và chất lượng TP, đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp khắc phục. Các cơ quan chức năng có thể thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các cơ sở KDTP để đảm bảo tuân thủ các quy định về vệ sinh và ATTP.

Thứ hai, lập biên bản vi phạm: Khi phát hiện vi phạm, cơ quan chức năng có quyền lập biên bản vi phạm, ghi nhận các hành vi không tuân thủ. Biên bản này sẽ ghi rõ các hành vi vi phạm, mức độ vi phạm và biện pháp xử lý cụ thể cho từng trường hợp vi phạm.

Thứ ba, xử phạt và truy cứu trách nhiệm: Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho sức khỏe NTD, cơ quan chức năng có thể áp dụng các biện pháp xử phạt như phạt tiền, thu hồi giấy phép hoạt động, đình chỉ KD hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan chức năng có quyền áp dụng các mức phạt tiền theo quy định trong Luật ATTP và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong những trường hợp vi phạm nghiêm trọng, cơ quan chức năng có thể thu hồi giấy phép KD của các cơ sở không tuân thủ các quy định về ATTP.

Trong giai đoạn 2011-2021, các ban ngành, địa phương đã tổ chức 2.954 đoàn thanh tra, kiểm tra, đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 78.574 lượt cơ sở. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện và xử lý 2.804 cơ sở vi phạm với số tiền 9.920,09 triệu đồng. Các nội dung vi phạm chủ yếu được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra chủ yếu là vi phạm về điều kiện vệ sinh cơ sở, vi phạm về trang thiết bị, dụng cụ, thực phẩm không đảm bảo chất lượng ATTP. [26]

Năm 2021, các đơn vị chuyên trách đã thực hiện 258 mẫu giám sát chất lượng, ATTP nông sản, thủy sản sau thu hoạch, kết quả 20 mẫu không đạt yêu cầu, chiếm tỷ lệ 7,7% trên số mẫu giám sát. Giám sát dư lượng các chất độc hại trong tôm nuôi: lấy 47 mẫu, phát hiện 02 mẫu nhiễm Chloramphenicol, chiếm tỷ lệ 4%. Thực hiện lấy 15 mẫu nhuyên thể hai mảnh vỏ, kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch để kiểm tra hàm lượng Cadimi theo kế hoạch, kết quả hàm lượng Cadimi chưa đáp ứng thị trường EU. Ngành y tế thực hiện lấy 80 mẫu thực phẩm giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống. Kết quả 15/80 mẫu không đạt, chiếm 19%. [25]

Cũng trong năm 2021, lĩnh vực nông nghiệp đã thanh tra 70 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính 13 cơ sở với số tiền 78,5 triệu đồng, lĩnh vực ngành công thương đã tiến hành kiểm tra 131 cơ sở sản xuất, KDTP, phát hiện và xử lý 12 cơ sở vi phạm với số tiền 46.000.000 đồng, lĩnh vực y tế thực hiện thanh tra, kiểm tra tại 03 cấp là 3.453 cơ sở TP, xử lý vi phạm hành chính 22 cơ sở với số tiền 37.750.000 đồng. Quản lý thị trường thanh tra, kiểm tra 335 vụ, vi phạm 35 vụ, xử phạt 200 triệu đồng. Công tác

phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, KDTP không rõ nguồn gốc xuất xứ đã xử lý 07 vụ KDTP nhập lậu với số tiền 209 triệu đồng, giá trị tang vật phương tiện tiêu hủy là 300 triệu đồng. [27]

Trong năm 2023, Sở Công Thương đã phối hợp tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành do Sở Y tế chủ trì trong các đợt cao điểm như dịp Tết Nguyên đán và "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm". Cụ thể, Sở Công Thương đã cùng tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ Hội Xuân 2023 do Sở Y tế chủ trì, tiến hành kiểm tra 33 cơ sở sản xuất, KDTP, phát hiện và xử lý 04 cơ sở vi phạm. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính và thu nộp ngân sách nhà nước là 58.500.000 đồng (trong đó, xử phạt 03 cơ sở thuộc ngành y tế với số tiền 41.000.000 đồng và 01 cơ sở thuộc ngành nông nghiệp với số tiền 17.500.000 đồng). [28]

Sở cũng phối hợp tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành trong "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" do Sở Y tế chủ trì, kiểm tra 31 cơ sở sản xuất, KDTP trên địa bàn tỉnh, phát hiện và xử lý 02 cơ sở vi phạm. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính và thu nộp ngân sách nhà nước là 24.500.000 đồng (trong đó, xử phạt 01 cơ sở thuộc ngành y tế với số tiền 12.500.000 đồng và 01 cơ sở thuộc ngành công thương với số tiền 12.000.000 đồng). Sở Công Thương cũng chủ trì thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP trong dịp Tết Trung thu, kiểm tra 28 cơ sở sản xuất, KDTP trên địa bàn tỉnh, phát hiện và xử lý 02 cơ sở vi phạm. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính và thu nộp ngân sách nhà nước là 18.000.000 đồng (xử phạt 01 cơ sở thuộc ngành y tế với số tiền 6.000.000 đồng và 01 cơ sở thuộc ngành công thương với số tiền 12.000.000 đồng). Ngoài ra, Sở Công Thương cũng chủ trì Đoàn kiểm tra, hậu kiểm ATTP năm 2023 trong lĩnh vực công thương, **tiến hành kiểm tra 23 cơ sở TP thuộc ngành quản lý, phát hiện và xử lý 01 cơ sở vi phạm. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính và thu nộp ngân sách nhà nước là 17.000.000 đồng.** [28]

Thực hiện tháng hành động vì ATTP năm 2024 tại TP Phan Thiết, diễn ra từ ngày 15/4 đến 15/5 với chủ đề "Tiếp tục bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới", Đoàn kiểm tra Liên ngành về ATTP của thành phố đã tiến hành kiểm tra 25 cơ sở KD dịch vụ ăn uống trên địa bàn. Qua quá trình kiểm tra, đã có 6 cơ sở bị xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định về ATTP, bao gồm các vi phạm liên quan đến điều kiện bảo đảm ATTP trong KD dịch vụ ăn uống và GCNCSDĐK ATTP. Bên cạnh đó, một số cơ sở vẫn chưa thực hiện đầy đủ các quy định về ATTP, như khám sức khỏe cho nhân

viên, tổ chức tập huấn kiến thức về ATTP, và cấp GCNCSDĐK ATTP. Một số cơ sở đã được cấp GCNCSD ĐK ATTP, nhưng qua kiểm tra lại, điều kiện vệ sinh của cơ sở vẫn chưa đạt yêu cầu. Song song với công tác kiểm tra, Đoàn kiểm tra Liên ngành TP Phan Thiết cũng đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP đến các cơ sở, nhằm nâng cao nhận thức của chủ cơ sở về vấn đề ATTP trong tình hình hiện nay. [29]

2.1.3 Thực tiễn áp dụng quy định về trách nhiệm thông tin trung thực về an toàn thực phẩm ; thông tin điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.

Thực tế áp dụng quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực về ATTP, cũng như thông tin về điều kiện bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng TP tại tỉnh Bình Thuận cho thấy:

Việc ghi nhãn hàng hóa tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất đã có sự cải thiện rõ rệt, phần lớn sản phẩm đã thực hiện ghi nhãn đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số doanh nghiệp và cơ sở vi phạm về nhãn mác, như: ghi sai thành phần sản phẩm, tên hàng hóa không phản ánh đúng bản chất của sản phẩm, thiếu sót hoặc ghi không đầy đủ các thông tin bắt buộc theo quy định, hoặc sử dụng cỡ chữ không đúng tiêu chuẩn.

Thực tế áp dụng pháp luật cho thấy mức xử phạt hành chính đối với việc vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa vẫn còn thấp, do đó một số cơ sở và doanh nghiệp vì lợi nhuận vẫn tiếp tục vi phạm.

Tại tỉnh Bình Thuận, sau khi được phổ biến và hướng dẫn, các cơ sở sản xuất và KDTP trên địa bàn đã thực hiện khá tốt việc tự công bố sản phẩm, và quá trình này ngày càng ổn định. Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân sản xuất TP cung cấp cho NTD đã tuân thủ quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, tự công bố sản phẩm của mình và gửi một bản thông qua bưu điện hoặc trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để lưu trữ hồ sơ, đồng thời đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận.

Theo số liệu thống kê, từ năm 2011 đến 2021, ngành Y tế đã tiếp nhận 1.025 hồ sơ công bố hợp quy và 254 hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm; Sở Công Thương nhận 130 bản tự công bố; ngành Nông nghiệp đã tiếp nhận 246 bản tự công bố sản phẩm. [23]

Có thể đánh giá rằng quy định về công bố sản phẩm đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ sở sản xuất KD tự thực hiện công bố, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, việc tự công bố mà không qua thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thể dẫn đến việc doanh nghiệp bị phạt nếu hồ sơ tự công bố có sai sót về hình thức hoặc nội dung, khi cơ quan chức năng tiến hành hậu kiểm. Bên cạnh đó, khi cơ sở sản xuất KD tự công bố và đưa sản phẩm ra thị trường, trong trường hợp có nguy cơ mất ATTP, dù có kiểm tra và xử lý sau đó, sản phẩm không đảm bảo an toàn vẫn có thể đã được lưu thông hoặc tiêu thụ, gây ảnh hưởng đến sức khỏe NTD.

Tại Bình Thuận, các cơ sở sản xuất TP thuộc lĩnh vực y tế quản lý, như nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng,... hầu hết đã thực hiện công bố và tự công bố sản phẩm. Tuy nhiên, nhiều cơ sở sản xuất và KD theo hình thức thủ công, truyền thống, nhỏ lẻ và phân tán trên địa bàn tỉnh vẫn gặp khó khăn trong việc thực hiện hồ sơ tự công bố sản phẩm. Một số cơ sở chưa thực hiện công bố sản phẩm, và có trường hợp hồ sơ tự công bố còn sai sót, cần được hướng dẫn lại. [27]

Đặc biệt, Bình Thuận có 2 loại hình thực phẩm nổi tiếng là “trái thanh long” và “sản phẩm nước mắm”. Đối với quả thanh long, việc thẩm định, chứng nhận điều kiện đảm bảo ATTP cơ sở trồng trọt, thu mua, sơ chế thực hiện theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 và QCVN 01-132:2013/BNNPTNT. Thực hiện đánh giá chất lượng, ATTP sản phẩm căn cứ theo QCVN 8-3:2012/BYT quy chuẩn kỹ thuật đối với ô nhiễm vi sinh vật trong TP; QĐ 76/2015/QĐ-UBND sử dụng chỉ dẫn địa lý Bình Thuận. Đối với sản phẩm nước mắm, thẩm định, đánh giá điều kiện bảo đảm ATTP được thực hiện theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và QCVN 02-16:2012/BNNPTNT. Thực hiện đánh giá chất lượng ATTP sản phẩm căn cứ theo QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5107:2018 về nước mắm, Quyết định 37/2015/QĐ-UBND sử dụng chỉ dẫn địa lý Phan Thiết. Tuy nhiên, việc quy định các chỉ tiêu, giới hạn kiểm soát về ATTP đối với sản phẩm nước mắm và quả thanh long chưa đầy đủ, rõ ràng, đặc biệt là trái thanh long chưa có văn bản quy định. UBND tỉnh đã có văn bản số 3032/UBND-KT ngày 08/8/2017 đề nghị Bộ NPPTNN hỗ trợ tỉnh xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trái thanh long, tuy nhiên BNNPTNT vẫn chưa có ý kiến phản hồi. Ngoài ra một số sản phẩm, TP như rượu trắng, rượu ngâm thực vật và động vật, các sản phẩm bánh, kẹo, bột,

trình bày vẫn chưa có quy chuẩn để áp dụng, điều đó dẫn đến khó khăn trong công tác kiểm soát và quản lý, nhất là việc tự công bố đối với các sản phẩm này. [27]

Ngoài ra, có thể nhận thấy việc công bố sản phẩm hiện nay còn gặp phải sự chồng chéo, trùng lặp giữa các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật với Luật ATTP. Theo Luật ATTP, việc công bố phải đảm bảo phù hợp với các quy định về ATTP, trong khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật lại phân tách rõ ràng giữa công bố theo tiêu chuẩn và công bố theo quy chuẩn. Điều này tạo ra sự thiếu thống nhất và đồng bộ trong các quy định. Thêm vào đó, các sản phẩm TP truyền thống và đặc sản vùng miền vẫn chưa có các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật cụ thể. Do vậy, khi các tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm để đưa hàng hóa ra thị trường, cơ quan quản lý nhà nước không có đủ cơ sở để thực hiện thanh tra, kiểm tra hoặc hậu kiểm, gây khó khăn trong công tác quản lý.

2.1.4 Thực tiễn áp dụng quy định về xử lý, khắc phục hậu quả và trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi thực phẩm không bảo đảm an toàn tại tỉnh Bình Thuận.

Trong giai đoạn từ năm 2011-2021 toàn tỉnh ghi nhận 26 vụ ngộ độc TP (trong đó có 07 vụ ngộ độc thực phẩm có trên 30 người mắc) với 605 ca mắc và 08 ca tử vong. Trong đó ngộ độc TP do vi sinh vật: 12 vụ, 523 ca mắc, 0 có ca tử vong, ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên: 14 vụ, 82 ca mắc, 08 ca tử vong. Nguyên nhân gây tử vong được kết luận do độc tố tự nhiên từ cá nóc, khoai mì, ốc biển lạ. [23]

Trong 7 tháng đầu năm 2024, toàn tỉnh đã xảy ra 2 ngộ độc TP tại các cơ sở lưu trú, nghỉ dưỡng, ăn uống với tổng số 932 người ăn, làm cho 99 người đi viện, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động thu hút khách du lịch của tỉnh. [30]

Vào tối ngày 27/7/2024, Sở Y tế tỉnh Bình Thuận nhận được thông tin về một ca nghi ngờ ngộ độc TP đang điều trị tại Bệnh viện An Phước. Sở đã triển khai điều tra và báo cáo vụ việc như sau:

Đoàn khách của Công ty Hòn Gai Tour, gồm 182 người, đã có chuyến du lịch và lưu trú tại Resort Sailing Bay Mũi Né (địa chỉ: 107 đường Hồ Xuân Hương, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết) từ trưa ngày 26/7/2024 đến trưa ngày 28/7/2024. Vào buổi tối ngày 26/7/2024, đoàn khách dùng bữa tối tại nhà hàng Cánh Buồm Vàng. Ngày 27/7/2024, cả đoàn ăn sáng và ăn trưa tại resort Sailing Bay Mũi Né, với thực đơn chủ yếu gồm các món hải sản. Ca nhập viện đầu tiên được ghi nhận tại Bệnh viện An Phước

vào lúc 15 giờ ngày 27/7/2024 với các triệu chứng như đau bụng, tiêu chảy nhiều lần và nôn mửa. Sau đó, nhiều ca khác có triệu chứng tương tự tiếp tục nhập viện. Ca nhập viện cuối cùng xảy ra vào lúc 9 giờ ngày 28/7/2024, nâng tổng số ca nhập viện lên 48 người. Sở Y tế tỉnh Bình Thuận đã tổ chức ba đoàn làm việc để điều tra và xử lý vụ việc, bao gồm một đoàn điều tra các ca nghi ngờ ngộ độc tại bệnh viện, một đoàn lấy mẫu thức ăn lưu và một đoàn thanh tra về an toàn thực phẩm tại các cơ sở liên quan. Đoàn điều tra lấy mẫu đã làm việc tại resort Sailing Bay Mũi Né, thu thập 26 mẫu thức ăn lưu từ bữa ăn sáng (buffet) và bữa ăn trưa ngày 27/7/2024 tại resort để kiểm nghiệm và đánh giá các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm. Tiếp theo, đoàn điều tra đã làm việc tại nhà hàng Cánh Buồm Vàng và ghi nhận rằng không còn mẫu lưu từ bữa ăn chiều 26/7/2024, vì công ty đã hủy mẫu lưu vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 27/7/2024, điều này là đúng theo quy định do thời gian lưu mẫu đã vượt quá 24 giờ. Cuối cùng, đoàn thanh tra an toàn thực phẩm do thanh tra Sở Y tế chủ trì đã tiến hành kiểm tra và thanh tra về các điều kiện an toàn thực phẩm tại hai cơ sở trên. [31]

Trước đó, vào tháng 5/2024, tại tỉnh Bình Thuận cũng xảy ra sự việc 51 khách du lịch thuộc đoàn khách du lịch do Công ty Vietravel tổ chức đi tham quan tại phường Hàm Tiến và Mũi Né (Phan Thiết) bị ngộ độc thực phẩm do đi ăn hàng rong bán trên bãi biển. [32]

Năm 2020, cơ quan chức năng tỉnh đã tổ chức 07 đợt thanh tra, kiểm tra (bao gồm 02 đợt thanh tra liên ngành và 05 đợt thanh tra chuyên ngành). Thực hiện thanh tra, kiểm tra 208/522 cơ sở (đạt tỷ lệ 39%). Số cơ sở thanh tra, kiểm tra đạt là 201 cơ sở, 07 cơ sở vi phạm không xử lý, chỉ nhắc nhở. Trong 06 tháng đầu năm 2021 đã thanh tra, kiểm tra 96 cơ sở, trong đó 05 cơ sở vi phạm bị xử phạt với số tiền 16.000.000 đồng. Ở cấp huyện đã kiểm tra 626/1.624 cơ sở (đạt tỷ lệ 39%), 102 cơ sở không đạt, 17 cơ sở bị xử lý với số tiền phạt là 49.250.000 đồng. Ở cấp xã đã kiểm tra 3.847/5.525 cơ sở; 423 cơ sở không đạt, 01 cơ sở bị xử lý với số tiền phạt là 750.000 đồng. [27]

Trong giai đoạn 10 năm từ năm 2011 đến 2021, đã tổ chức 2.954 đoàn thanh tra, kiểm tra 78.574 cơ sở. Qua đó phát hiện và xử lý 2.804 cơ sở vi phạm với số tiền 9.920,09 triệu đồng. [23]

Tại Bình Thuận, khi phát hiện ra các cơ sở vi phạm ATTP hoặc xuất hiện các vụ ngộ độc TP, Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng sẽ phối hợp để kiểm tra, xác minh và xử lý. Mỗi cơ quan sẽ thực hiện các nhiệm vụ như

kiểm tra, tìm hiểu nguyên nhân, lấy mẫu và xét nghiệm, thu hồi sản phẩm, xử phạt hành chính, thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

Tuy nhiên, quá trình thanh kiểm tra trên địa bàn tỉnh còn chưa đầy đủ và kịp thời, cụ thể năm 2020 tỷ lệ thanh tra, kiểm tra chỉ đạt 39% cho thấy một sự thiếu hụt về nhân lực, phương tiện và tài chính cho công tác giám sát. Việc thanh tra, kiểm tra không được thực hiện đầy đủ và thường xuyên do thiếu nguồn lực hoặc phân bổ không hợp lý giữa các cấp, dẫn đến việc không phát hiện kịp thời các vi phạm ATTP. Số lượng cơ sở không đạt tiêu chuẩn VSATTP vẫn còn nhiều, đặc biệt ở cấp huyện và cấp xã, cho thấy công tác giám sát và kiểm tra chưa đủ sâu sắc và toàn diện. Các cơ quan chức năng có thể kiểm tra chủ yếu ở các cơ sở lớn, bỏ qua các cơ sở nhỏ. Số cơ sở bị phạt còn hạn chế, và số tiền phạt lại thấp. Điều này cho thấy cơ chế xử lý vi phạm chưa đủ mạnh và không có tính răn đe cao. Mức phạt thấp có thể khiến các tổ chức, cá nhân KDTP không coi trọng và không cảm thấy bị đe dọa bởi những hình phạt này, dẫn đến tình trạng tái phạm. Mức phạt thấp và thường xuyên chỉ dừng lại ở việc "nhắc nhở" khiến việc tuân thủ các quy định VSATTP trở nên lỏng lẻo. Các cơ sở KD có thể nhận thức được rằng việc vi phạm chỉ đơn giản là một "cảnh cáo" nhẹ và không có tác động đáng kể đến hoạt động KD của họ. Nếu các cơ sở vi phạm không phải đối mặt với những hình thức xử lý nghiêm ngặt như đình chỉ hoạt động, phạt tiền nặng hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, họ sẽ không có động lực để thay đổi hành vi KD của mình.

Đồng thời, một trong những vướng mắc lớn là vấn đề ATTP thuộc phạm vi quản lý chuyên môn của nhiều bộ ngành khác nhau, bao gồm Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Điều này dẫn đến sự chồng chéo trong quản lý, khi nhiều bộ cùng can thiệp vào một vấn đề, khiến việc giải quyết các vấn đề về ATTP chưa thể triệt để. Một sản phẩm có thể thuộc sự quản lý của một bộ ở giai đoạn đầu, nhưng khi sang các công đoạn khác, lại chịu sự quản lý của các bộ khác. Ví dụ một sản phẩm thịt lợn có thể bị kiểm soát bởi Bộ NN&PTNT ở khâu chăn nuôi, Bộ Y tế quản lý ở khâu chế biến. Bộ Công Thương quản lý ở khâu phân phối và tiêu thụ trên thị trường, trong khi Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý chất thải liên quan đến quy trình sản xuất. Nếu có sự cố về sản phẩm không đảm bảo an toàn, ví dụ như TP chứa chất cấm hoặc không đủ tiêu chuẩn vệ sinh, việc xác định trách nhiệm và xử lý giữa các bộ ngành có thể gặp khó khăn, do mỗi bộ chỉ kiểm soát một phần của quá trình mà không có cơ chế phối hợp rõ ràng. Do sự phân công nhiệm vụ chưa được tối ưu và thiếu sự

phối hợp chặt chẽ giữa các bộ ngành, việc xử lý và khắc phục hậu quả khi TP không đảm bảo an toàn vẫn còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng một số vụ việc không được giải quyết triệt để.

2.2 Xác định các vấn đề và nguyên nhân của các vấn đề từ thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận.

Theo học viên, trong quá trình áp dụng thực tế, có sự không thống nhất và vướng mắc ở khoản 4 Điều 39 NĐ15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP. Cụ thể, nghị định này quy định ngành Công Thương "Quản lý ATTP đối với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác", nhưng lại không bao gồm chợ, điều này khác với quy định tại NĐ38/2012/NĐ-CP.

Liên quan đến công tác tập huấn kiến thức về ATTP, hầu hết các chủ cơ sở sản xuất, KDTP nhỏ lẻ trong thời gian qua đã gặp không ít khó khăn trong việc tổ chức tập huấn, xây dựng đề thi, kiểm tra sát hạch và cấp giấy xác nhận đã tham gia tập huấn ATTP. Một số cơ sở đã có hành vi đối phó bằng cách chỉ cấp giấy xác nhận mà không thực sự tổ chức tập huấn và sát hạch.

Thực tế áp dụng quy định về trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình KD và đảm bảo ATTP tại tỉnh Bình Thuận cho thấy, các cơ sở sản xuất, KD không thuộc diện cấp GCNCSDĐDK ATTP (các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ ban đầu) có số lượng lớn, đối tượng rất đa dạng, nhưng lại thiếu cán bộ chuyên trách, phần lớn công việc được kiêm nhiệm, trưng dụng, và không có kinh phí thực hiện. Do đó, một số xã, phường, thị trấn vẫn chưa hoàn thành việc thống kê đầy đủ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trên địa bàn, cũng như chưa tổ chức việc ký cam kết và kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo đảm ATTP đúng theo quy định.

Thực tế áp dụng pháp luật hiện nay gặp phải một số vướng mắc, trong đó có vấn đề về việc xác định thế nào là cơ sở nhỏ lẻ. Theo các Khoản 8, 9, 10 Điều 3 Nghị định số 15/2018, cơ sở nhỏ lẻ được hiểu là cơ sở có quy mô hộ gia đình hoặc hộ cá thể, có hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (theo Khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, hộ gia đình hoặc hộ cá thể sử dụng dưới 10 lao động). Tuy nhiên, Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký KD không quy định số lao động đối với hộ gia đình, hộ cá thể. Do đó, một số hộ gia đình sản xuất,

KDTP được thuê trên 10 lao động, hoạt động với quy mô và sản lượng lớn nhưng chỉ đăng ký hộ KD, không thuộc diện cấp GCNCSDĐK ATTP.

Thực tế cho thấy, trên địa bàn tỉnh còn rất nhiều cơ sở chế biến thủy sản (chủ yếu là cá cơm khô, thủy sản khô, nước mắm) có quy mô nhỏ lẻ, không có giấy phép đăng ký KD, hoạt động theo mùa vụ, với quy mô hộ gia đình. Các cơ sở này có nhà xưởng sản xuất thô sơ, thủ công và không có người chịu trách nhiệm theo dõi chất lượng ATTP, dẫn đến việc thực hiện các yêu cầu về ATTP còn nhiều hạn chế. Tại một số cơ sở sản xuất KD nông lâm thủy sản có nơi vẫn còn xảy ra tình trạng sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến không đúng quy định. Vấn đề vệ sinh thú y, điều kiện đảm bảo ATTP các cơ sở giết mổ tại các chợ chưa được kiểm soát thường xuyên. Một số người dân vẫn chưa thực hiện nghiêm về thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật trên rau trong quá trình trồng trọt, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có trong danh mục được phép sử dụng. [26]

Đồng thời, việc công bố sản phẩm hiện nay còn gặp phải sự chồng chéo và trùng lặp giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật với Luật ATTP. Theo Luật ATTP, việc công bố phải tuân theo các quy định về ATTP, trong khi đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật lại phân biệt giữa công bố theo tiêu chuẩn và công bố theo quy chuẩn. Ví dụ một sản phẩm TP nhập khẩu cần phải công bố về VSATTP theo quy định của Luật ATTP, nhưng đồng thời sản phẩm này cũng phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Điều này có thể dẫn đến tình trạng một sản phẩm phải thực hiện các thủ tục công bố và kiểm tra ở nhiều cơ quan khác nhau với yêu cầu khác nhau, gây tốn kém và làm chậm quá trình đưa sản phẩm ra thị trường. Vì vậy cần có sự xem xét và thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo việc thực thi quy định được thuận lợi hơn.

Bên cạnh đó, các sản phẩm TP truyền thống và đặc sản vùng miền vẫn chưa có các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cụ thể; do đó, các tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm để đưa hàng hóa ra thị trường, khiến cơ quan quản lý nhà nước không có cơ sở để tiến hành thanh tra, kiểm tra hoặc hậu kiểm, làm cho công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

Hiện tại toàn tỉnh có 03 phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO 17025 là Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm kiểm nghiệm thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm tỉnh, Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Hiện nay, Trung tâm tiêu chuẩn đo lường

chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng được Cục ATTP chỉ định là đơn vị kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP tại địa phương. Tuy nhiên, công tác kiểm nghiệm về ATTP chưa phát triển phương pháp theo kịp với nhu cầu của thực tiễn, việc kiểm nghiệm các chỉ tiêu chưa chuyên sâu, nhiều mẫu vẫn phải gửi đi kiểm nghiệm tại các đơn vị tuyến trên.

Ngành y tế là cơ quan đầu mối kết nối các hoạt động ATTP ở địa phương nhưng chỉ quản lý một số ít các nhóm ngành hàng, trong khi có rất nhiều sản phẩm, nhóm TP thông dụng, phổ biến lại do ngành NN&PTNT và Công Thương quản lý. Điều này tạo khó khăn trong việc quản lý, kiểm tra và tạo ra lỗ hổng trong giám sát, dễ dẫn đến tình trạng sản phẩm không đảm bảo an toàn vẫn có thể lưu hành trên thị trường.

Mặt khác, ý thức về ATTP đối với NTD còn hạn chế, họ là người quyết định chất lượng sản phẩm mà mình sẽ sử dụng, thực trạng là đa số người dân còn tập quán sử dụng những TP không đảm bảo như: tiết canh, gỏi cá sống, ăn thực phẩm lạ, ăn theo kinh nghiệm và một phần do nhận thức, sự chủ quan của người dân trong việc sử dụng TP có chứa độc tố tự nhiên gây chết người. Những hành vi này không thể dùng biện pháp hành chính để thay đổi thói quen mà cần tăng cường vận động, tuyên truyền. Bên cạnh đó, một số bộ phận người dân đời sống kinh tế còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa chưa phân biệt được nguồn gốc xuất xứ TP nên còn sử dụng TP chất lượng thấp, không đảm bảo an toàn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong Chương 2, học viên đã tiến hành nghiên cứu và phân tích thực tiễn áp dụng các QĐPL liên quan đến trách nhiệm của tổ chức, cá nhân KDTP tại tỉnh Bình Thuận thông qua việc tìm hiểu các báo cáo từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các số liệu thực tế. Học viên đã tập trung tìm hiểu về việc áp dụng các quy định liên quan đến trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn đảm bảo ATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cũng như trách nhiệm của họ trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận. Các nội dung nghiên cứu cũng bao gồm thực tiễn áp dụng quy định về việc cung cấp thông tin trung thực liên quan đến an toàn thực phẩm, cũng như các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn trong các công đoạn vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm tại địa phương. Bên cạnh đó, học viên cũng đã phân tích thực tiễn áp dụng các quy định về xử lý và khắc phục hậu quả khi thực phẩm không đảm bảo an toàn, cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối

với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận. Qua việc khảo sát, phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về an toàn thực phẩm tại tỉnh Bình Thuận, có thể nhận thấy rằng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trên cả phương diện pháp lý và tổ chức thực hiện. Mặc dù các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm đã được ban hành tương đối đầy đủ, song quá trình triển khai thực tế tại địa phương vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao và đa dạng về hình thức sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Một trong những vấn đề nổi bật là sự chưa thống nhất, thiếu rõ ràng trong quy định về phân công trách nhiệm quản lý giữa các ngành, dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống, đặc biệt là trong quản lý ATTP tại các chợ truyền thống – nơi tiêu thụ thực phẩm chủ yếu của người dân. Bên cạnh đó, việc áp dụng các quy định liên quan đến phân loại cơ sở nhỏ lẻ còn nhiều mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật, gây khó khăn trong quản lý và thực thi các điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở này. Trong khi đó, các cơ sở sản xuất, chế biến mang tính thủ công, theo mùa vụ, hoạt động phổ biến tại địa phương lại thường thiếu đăng ký kinh doanh, không đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, vệ sinh và không có người chịu trách nhiệm chuyên môn về ATTP. Thực trạng thiếu cán bộ chuyên trách, thiếu kinh phí, kiêm nhiệm trong công tác quản lý tại cấp xã, phường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tổ chức các hoạt động như tập huấn, thống kê, ký cam kết, kiểm tra và hậu kiểm các cơ sở thực phẩm nhỏ lẻ. Điều này dẫn đến tình trạng một số cơ sở đối phó bằng cách xin cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP mà không qua đào tạo thực chất, làm giảm hiệu lực pháp lý và ý nghĩa thực tiễn của các quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công tác công bố sản phẩm, kiểm nghiệm chất lượng, và giám sát ATTP đối với sản phẩm thực phẩm truyền thống, đặc sản địa phương vẫn còn nhiều bất cập do thiếu quy chuẩn kỹ thuật, thiếu hướng dẫn chuyên môn cụ thể, và năng lực kiểm nghiệm tại chỗ còn hạn chế. Cùng với đó, thói quen tiêu dùng thiếu an toàn, nhận thức của người dân còn hạn chế, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, cũng là yếu tố cản trở việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ATTP tại địa phương.

Qua đó, có thể nhận thấy bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, rõ ràng và khả thi, cần tăng cường hơn nữa vai trò của chính quyền cơ sở, đầu tư nguồn lực và nâng cao năng lực cán bộ quản lý chuyên ngành ATTP. Đồng thời, công tác phối hợp liên ngành, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, và xây dựng cơ

chế giám sát, hậu kiểm hiệu quả là những yếu tố mang tính quyết định đối với việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm tại địa phương.

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH THỰC PHẨM.

3.1 Nhu cầu và định hướng hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.

Trong những năm qua, vấn đề ATTP đã được Nhà Nước quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả. Đầu tiên là nhận thức về ATTP của nhà quản lý, người SXKD và NTD đã có sự chuyển biến tích cực. Các quy định pháp lý về ATTP đã được xây dựng và đang được cải thiện từng bước. Cơ quan quản lý nhà nước về ATTP từ trung ương đến địa phương dần được hoàn thiện. Sự phân công, phân cấp và phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương đã phát huy được hiệu quả. Dù có tiến bộ, nhưng vấn đề đảm bảo ATTP vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục. Nhiều doanh nghiệp sản xuất, KD chỉ tập trung vào lợi nhuận mà không quan tâm đến quyền lợi của NTD. Tình trạng ngộ độc TP đang ngày càng phức tạp và có xu hướng gia tăng nhanh, gây tác động nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng, giống nòi và sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ ưu tiên hiện nay là tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp lý, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương, cùng với các tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo đảm ATTP. Cần làm rõ và gia tăng trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc duy trì và đảm bảo chất lượng TP. Quy định cụ thể trách nhiệm của các bên tham gia từ sản xuất, chế biến, bảo quản, phân phối TP đến việc phát hiện và giải quyết các vi phạm về ATTP.

Cần quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với việc bảo đảm chất lượng, VSATTP trong suốt chuỗi cung ứng. Cụ thể, yêu cầu về chứng nhận ATTP, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, ghi nhãn sản phẩm rõ ràng, đảm bảo minh bạch thông tin với NTD.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định ATTP, xử lý nghiêm khắc các vi phạm của tổ chức, cá nhân. Áp dụng các hình thức xử lý vi phạm về ATTP, bao gồm việc sử dụng chất cấm, kháng sinh và hóa chất không rõ nguồn gốc trong tất cả các giai đoạn từ nguyên liệu đến sản xuất, chế biến, KD và bảo quản TP. Đồng thời, cần có các biện pháp mạnh mẽ bảo vệ NTD như bảo vệ quyền lợi khi gặp phải các sản phẩm không an toàn.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về ATTP, nguy cơ TP không đảm bảo và hậu quả của việc sử dụng TP bản đến người dân các địa phương đồng thời khuyến khích NTD lên án và không sử dụng những sản phẩm, hàng hóa kém chất lượng, không đảm bảo ATTP.

Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý liên quan đến trách nhiệm của TC&CN KDTP là vô cùng cần thiết để đảm bảo ATTP, quyền lợi của NTD. Dưới đây là các cách tiếp cận cơ bản có thể triển khai để nâng cao hiệu quả của pháp luật về trách nhiệm của các TC&CN trong lĩnh vực KDTP:

Một là, cần làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân KDTP, bao gồm các hoạt động từ khâu sản xuất đến chế biến, nhập khẩu và xuất khẩu sau đó là cung cấp trên thị trường; bảo đảm các quy định pháp lý về ATTP chi tiết, rõ ràng và bảo vệ đầy đủ quyền lợi cũng như nghĩa vụ của NTD. Đó là việc tuân thủ các quy định về chất lượng, ATTP, quảng cáo, ghi nhãn và giảm thiểu việc sử dụng các chất phụ gia có tính độc hại, đồng thời ban hành và cải tiến những tiêu chuẩn, quy định và phương pháp kiểm tra ATTP. Đồng thời, TC&CN KDTP cũng cần phải được trang bị kiến thức về ATTP đồng thời cam kết chịu trách nhiệm đối với các hoạt động KD của mình.

Hai là, cần đưa ra các biện pháp giám sát chặt chẽ và quản lý nguy cơ rủi ro liên quan đến ATTP. Điều này liên quan đến việc đảm bảo tuân thủ các quy định về ATTP trong các giai đoạn từ sản xuất đến chế biến, bảo quản, chuyển giao TP.

Ba là, cần phải có những quy định cụ thể về việc xử lý các hành vi vi phạm ATTP và áp dụng các chế tài xử phạt phù hợp đối với các TC&CN KDTP không đảm bảo theo quy định. Cần áp dụng các hình thức xử lý nghiêm để răn đe đối với những TC&CN vi phạm ATTP. Bao gồm các biện pháp như xử phạt tiền, rút lại giấy phép KD, dừng hoạt động và xử lý hình sự đối với những trường hợp vi phạm mang tính chất nghiêm trọng.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ để bảo đảm sự tuân thủ các quy định về ATTP của các TC&CN. Cụ thể là việc thành lập các cơ quan kiểm soát chuyên môn, nâng cao hiệu quả kiểm tra và đánh giá các quy trình sản xuất và KDTP. Cần đầu tư vào việc củng cố khả năng kiểm tra và giám sát bằng hình thức hỗ trợ về ngân sách, nhân lực và tạo điều kiện cơ sở vật chất cho các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm giám sát ATTP. Cũng như việc đảm bảo đầy đủ đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn cao đồng thời cũng cần đảm bảo hệ thống trang thiết bị tiên tiến để thực hiện việc kiểm tra được chính xác và hiệu quả. Ngoài ra, cần có sự kết nối chặt chẽ giữa

các cơ quan chức năng, quản lý về ATTP sẽ góp phần nâng cao hiệu quả trong việc thực thi pháp luật và xử lý các vi phạm đối với các TC&CN KDTP. Thêm vào đó, cần tạo ra một cơ chế rõ ràng, công khai và minh bạch trong việc kiểm tra và giám sát về ATTP. Việc công khai kết quả kiểm tra, cùng với các tổ chức vi phạm và biện pháp xử lý, sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch và tạo ra tác dụng răn đe đối với các TC&CN KDTP.

Năm là, cần nâng cao kiến thức và nhận thức về ATTP. Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và cải thiện nhận thức về ATTP, tăng cường các hoạt động giáo dục kiến thức và công tác truyền thông mạnh mẽ. Đặc biệt cần nâng cao nhận thức của NTD về những quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Bởi vì NTD vẫn chưa hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, thiếu kiến thức toàn diện và thường hành động một cách cá nhân. Vì vậy, trong quan hệ với nhà sản xuất, chế biến và KDTP, NTD thường ở vị thế bất lợi và phải gánh chịu nhiều thiệt hại. Ngoài ra, cần chú trọng vào việc đào tạo và nâng cao nhận thức về ATTP cho các cán bộ giám sát, nhân viên và NTD như tổ chức các khóa học về ATTP, phổ biến thông tin về các quy tắc và chuẩn mực, tăng cường các chiến lược truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết của NTD về quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

3.2 Những đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.

3.2.1 Một số đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.

Theo học viên, cần bổ sung Khoản 4 Điều 39 NB 15/2018/NB-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP 2010, nhằm xác định rõ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Công Thương đối với các cơ sở ví dụ như chợ, siêu thị, trung tâm mua sắm, cửa hàng tiện lợi, và các cơ sở trong mạng lưới dự trữ và phân phối, cũng như các hình thức KD khác nhằm làm rõ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Công Thương. Bởi lẽ, hiện nay chợ với hình thức bán lẻ do Bộ Công Thương giám sát quản lý tuy nhiên trong NB 15/2018/NB-CP lại không đề cập điều này. Tiếp tục là chợ đầu mối do Bộ NNPTNT được phân công quản lý, mỗi bộ được phân công quản lý một loại chợ dẫn đến việc không thống nhất, mâu thuẫn và khó khăn trong công tác quản lý, điều đó làm cho việc quản lý về ATTP tại các chợ không được kiểm soát.

Căn cứ vào điểm a, Khoản 1 Điều 36 Luật ATTP quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp GCNCSDĐK ATTP trong đó quy định hồ sơ cấp có giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về ATTP của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, KDTP theo quy định, Khoản 1 Điều 10 NĐ số 17/2020/NĐ-CP quy định Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận”. Thế nhưng, các văn bản hướng dẫn Luật ATTP chưa quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm thuộc về cơ quan nào sẽ thực hiện việc tập huấn kiến thức ATTP. Việc giao cho doanh nghiệp, cá nhân tự tổ chức tập huấn sẽ không đảm bảo tính khách quan và hiệu quả trong việc thi hành pháp luật. Theo quan điểm của học viên, cần phải xem xét và điều chỉnh các quy định hiện hành về việc tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về ATTP. Nên giao trách nhiệm này cho các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, giúp các cơ sở sản xuất, KDTP nắm bắt và thực hiện đúng các quy định về bảo đảm ATTP. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo mà còn đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với đặc thù của từng khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe cộng đồng một cách tốt nhất.

Tiếp theo, cần điều chỉnh và cập nhật các quy định cụ thể trong Luật ATTP 2010 theo hướng cải cách hình thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất, KDTP, đảm bảo phù hợp với các quy định quốc tế, khả thi và đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới. Điều này bao gồm việc áp dụng các hình thức quản lý sao cho phù hợp với các cơ sở sản xuất, KDTP nhỏ lẻ và các sản phẩm truyền thống được làm thủ công. Cụ thể, cần làm rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc quản lý ATTP, nhằm nâng cao vai trò của các cấp chính quyền trong công tác này và tạo ra sự chủ động trong công tác tổ chức và sắp xếp các nguồn nhân lực. Đồng thời đảm bảo về cán bộ, nhân sự có chuyên môn về ATTP tại các địa phương, kinh phí hoạt động và thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện về ATTP cho đội ngũ nhân sự đang làm việc tại các cơ quan ở địa phương để nâng cao năng lực kiểm tra và sớm phát hiện vi phạm.

Học viên đề xuất làm rõ và điều chỉnh khái niệm về "Cơ sở KDTP nhỏ lẻ". Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về quản lý ATTP có giải thích về khái niệm “cơ sở nhỏ lẻ” tại các khoản 8, 9, 10 Điều 3. Theo đó, cơ sở nhỏ lẻ được hiểu là các cơ sở có quy mô hộ gia đình hoặc hộ cá thể, có hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, Khoản 1 Điều 66 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về ĐKKD quy định rằng hộ gia đình, hộ cá thể có dưới 10 lao động là những cơ sở có quy mô nhỏ lẻ. Tuy nhiên, theo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 4 tháng 1 năm 2021, quy định

về đăng ký KD không đưa ra yêu cầu về số lượng lao động đối với các hộ gia đình, hộ cá thể. Điều này có nghĩa là không có quy định rõ ràng về số lượng lao động tối đa hay tối thiểu để xác định một cơ sở sản xuất, KD là nhỏ lẻ. Ví dụ: Một hộ gia đình ở tỉnh Bình Thuận sản xuất nước mắm thủ công với sản lượng khá lớn, lên đến vài tấn mỗi năm. Họ không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà chỉ thực hiện đăng ký hộ kinh doanh. Vì không có quy định rõ ràng về số lượng lao động trong Nghị định 01/2021/NĐ-CP, “họ không biết liệu mình có cần phải được cấp Giấy CNCSDĐKATTP hay không?”. Những cơ sở sản xuất, mặc dù có quy mô lớn và sản lượng đáng kể, nhưng lại không có giấy chứng nhận doanh nghiệp hay không thuộc diện cấp Giấy CNCSDĐKATTP sẽ không bị kiểm tra và giám sát nghiêm ngặt về ATTP, điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng.

Cần tăng mức phạt tiền và hình phạt tù đối với các hành vi vi phạm quy định về ATTP. Một chế tài đủ mạnh sẽ làm tăng tính răn đe đối với những chủ thể có ý định vi phạm, đồng thời khẳng định sự nghiêm minh của pháp luật, tạo lòng tin cho người dân vào công tác quản lý ATTP. Ngoài ra, cũng nên điều chỉnh yếu tố hành vi trong cấu thành tội phạm, bổ sung thêm các hành vi vi phạm liên quan đến điều kiện cơ sở vật chất trong lĩnh vực ATTP, từ đó giúp các quy định trở nên toàn diện và có tính thực tiễn hơn.

Căn cứ Khoản 5 Điều 53, Luật ATTP 2010 nêu “ Tổ chức, cá nhân cung cấp TP mà gây ngộ độc phải chịu toàn bộ chi phí điều trị cho người bị ngộ độc và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự”. Trên thực tế, việc xác định chủ thể bồi thường thiệt hại trong trường hợp xảy ra sự cố về ATTP là một vấn đề phức tạp và không hề đơn giản. Sản xuất TP không chỉ bao gồm một hoạt động duy nhất mà là một chuỗi các quá trình liên quan đến nhiều công đoạn khác nhau như trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, sơ chế, chế biến, bao gói và bảo quản, nhằm tạo ra TP phục vụ NTD. Chính sự đa dạng trong các công đoạn này khiến việc xác định rõ nguyên nhân của sự cố về ATTP trở nên rất khó khăn. Câu hỏi về việc sự cố này phát sinh từ công đoạn nào trong chuỗi sản xuất, chế biến TP để có thể áp dụng đúng các quy định về trách nhiệm bồi thường, đòi hỏi phải có một quá trình điều tra kỹ lưỡng, tốn nhiều thời gian, chi phí và công sức. Đồng thời, các cơ quan thực thi pháp luật phải có sự phối hợp và tích cực trong việc bảo vệ quyền lợi của NTD, xác định rõ các chủ thể chịu trách nhiệm trong từng trường hợp cụ thể. Mặc dù NĐ số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ đã quy định chi tiết trách nhiệm của các Bộ như Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT, Bộ

Công Thương trong việc thực thi các quy định về ATTP, song trên thực tế, hệ thống quản lý ATTP hiện nay vẫn gặp phải nhiều vấn đề. Các quy định về phân công và phân cấp quản lý ATTP giữa các cơ quan nhà nước đã được quy định khá rõ ràng, tuy nhiên, việc triển khai thực hiện lại không được thống nhất. Các cơ quan quản lý này hiện đang hoạt động tách biệt trong các bộ, ngành khác nhau, chưa tạo thành một hệ thống kiểm soát toàn diện theo chuỗi mối nguy. Điều này dẫn đến sự phân tán trong việc xây dựng, triển khai các quy định pháp luật về ATTP, và trong thực tiễn, việc thực thi cũng thiếu sự đồng bộ, gây ra mâu thuẫn và chồng chéo trong các quy định pháp lý. Hệ quả của vấn đề này là sự thiếu thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các quy định về ATTP, gây khó khăn trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và quyền lợi NTD. Đặc biệt, hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các cơ quan nhà nước quản lý ATTP khi xảy ra sự cố. Mặc dù các sản phẩm thực phẩm có thể đạt tiêu chuẩn ATTP theo quy định của pháp luật Việt Nam, nhưng so với các tiêu chuẩn quốc tế, mức độ ATTP tại Việt Nam vẫn còn thấp hơn rất nhiều. Điều này dẫn đến tình huống là mặc dù sản phẩm TP đã được sản xuất và tiêu thụ theo tiêu chuẩn của pháp luật Việt Nam, nhưng vẫn tiềm ẩn những nguy cơ rủi ro cho NTD. Trong những trường hợp này, trách nhiệm không hoàn toàn thuộc về các chủ thể sản xuất và kinh doanh thực phẩm mà có thể thuộc về các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý, kiểm tra và giám sát ATTP. Điều này làm nảy sinh một yêu cầu cấp bách về việc cần phải có sự thống nhất và làm rõ khái niệm về "chủ thể sản xuất, KDTP" trong các văn bản pháp lý, để khi có sự cố về ATTP xảy ra, có thể xác định chính xác các chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Hơn nữa, pháp luật cần bổ sung các quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp các cơ quan này có sai sót trong việc thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát ATTP. Đây là một vấn đề quan trọng, bởi sự thiếu sót hoặc chậm trễ trong công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng có thể dẫn đến những thiệt hại nghiêm trọng cho NTD và xã hội. Việc thiết lập các quy định rõ ràng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại sẽ không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi NTD mà còn thúc đẩy các cơ quan nhà nước nâng cao hiệu quả trong việc thực thi pháp luật và quản lý ATTP.

Cần xem xét đến việc hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về ATTP theo mô hình tập trung, trong đó xác định một đầu mối duy nhất từ trung ương cho đến địa phương theo mô hình Sở ATTP, nơi chịu trách nhiệm chính về công tác quản lý, kiểm

tra và giám sát ATTP trên toàn quốc. Việc này sẽ giúp tạo ra một hệ thống thống nhất, đồng bộ, từ đó đảm bảo các chính sách và quy định về ATTP được triển khai một cách hiệu quả ở mọi cấp độ, từ trung ương đến các địa phương. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để thực hiện các công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát ATTP, đồng thời cũng tạo ra một cơ chế rõ ràng, minh bạch trong việc quản lý và xử lý các vi phạm.

3.2.2 Các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

Một là, để việc thực thi pháp luật liên quan đến trách nhiệm của các TC&CN KDTP đạt hiệu quả và khả thi, lãnh đạo cấp tỉnh cần đặc biệt chú trọng và đưa ra các chỉ đạo cụ thể đối với các cơ quan chức năng tại địa phương. Một trong những nhiệm vụ quan trọng là tăng cường công tác truyền thông và kêu gọi các tổ chức, cá nhân KDTP nâng cao tinh thần trách nhiệm và tự giác tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ATTP. Công tác tuyên truyền phải cụ thể hóa các thông điệp về tầm quan trọng của việc bảo đảm ATTP đối với sức khỏe con người và phát triển bền vững của ngành TP. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực ATTP. Đặc biệt, cần đảm bảo cấp kinh phí hợp lý cho các ngành Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các lực lượng chức năng liên quan để đảm bảo chất lượng ATTP, nâng cao năng lực quản lý và ứng phó khẩn cấp với các sự cố về ATTP.

Hai là, tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức pháp luật đối với các cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, KDTP, cũng như các cơ sở cung cấp và phục vụ về TP. Bên cạnh đó, các chợ đầu mối, chợ truyền thống, siêu thị và các điểm KDTP khác cũng cần được chú trọng trong công tác tuyên truyền. Cần áp dụng nhiều phương thức tuyên truyền khác nhau, phù hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh, trong đó đặc biệt chú trọng việc thông tin chi tiết về các hình thức xử phạt hành chính và hình sự đối với các hành vi vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm theo hệ thống PLVN. Điều này sẽ giúp các đối tượng này nhận thức rõ ràng về các hệ quả pháp lý khi không tuân thủ quy định, từ đó tạo ra một ý thức tuân thủ pháp luật mạnh mẽ trong cộng đồng. Ngoài ra, cần đặc biệt chú trọng đến “việc tuyên truyền đối với các cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh phụ gia thực phẩm”. Đối với các đối tượng này, việc phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP là vô cùng quan

trọng, đặc biệt là việc nhấn mạnh tác hại của việc lạm dụng các chất cấm và phụ gia thực phẩm vượt quá mức quy định đối với sức khỏe NTD. Cần cung cấp thông tin rõ ràng về hậu quả nghiêm trọng mà việc vi phạm các quy định này có thể gây ra, không chỉ đối với sức khỏe cộng đồng mà còn đối với chính họ, khi phải đối mặt với các hình thức xử lý nghiêm minh, bao gồm cả xử phạt hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh việc cung cấp thông tin về các biện pháp xử lý khi vi phạm, công tác tuyên truyền giúp các đối tượng này nhận thức rõ ràng về mối nguy hiểm giữa lợi ích ngắn hạn có thể thu được từ việc không tuân thủ quy định và những hậu quả dài hạn, nghiêm trọng mà họ sẽ phải gánh chịu khi các hành vi vi phạm bị phát hiện và xử lý.

Ba là, cần triển khai, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm liên quan đến ATTP là vô cùng quan trọng. Cụ thể, các cơ quan chức năng có thẩm quyền, đặc biệt là thanh tra ngành và các đơn vị liên quan, cần phối hợp chặt chẽ để đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, chế biến, KDTP có nguy cơ cao vi phạm các quy định về VSATTP. Các khu vực thường xuyên xảy ra vi phạm cần được giám sát đặc biệt, đồng thời các dấu hiệu vi phạm cũng phải được lập hồ sơ theo dõi một cách hệ thống để kịp thời phát hiện và xử lý khi có hành vi sai phạm xảy ra. Để công tác kiểm tra đạt hiệu quả cao, các cơ quan chức năng cần chủ động nắm bắt thông tin về các cơ sở thực phẩm mới hình thành và bắt đầu hoạt động. Việc hợp tác chặt chẽ với lực lượng chức năng và các tổ chức có liên quan là điều cần thiết để thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra một cách sâu rộng và hiệu quả. Bên cạnh đó, việc kêu gọi sự tham gia tích cực của người dân trong việc phát hiện và tố cáo hành vi vi phạm cũng rất quan trọng. Người dân có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện sớm các hành vi vi phạm, giúp các cơ quan chức năng kịp thời vào cuộc xử lý. Ngoài ra, để nâng cao tính răn đe và phòng ngừa vi phạm, việc xử lý các hành vi vi phạm cần được thực hiện một cách nghiêm khắc và công minh, bao gồm cả các biện pháp xử phạt hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự khi cần thiết. Trong thời gian qua, phần lớn các hành vi vi phạm chỉ bị xử lý hành chính, và ít trường hợp bị khởi tố, truy tố hay xét xử nghiêm minh. Tuy nhiên, theo Điều 317 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các hành vi vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm có thể bị xử lý hình sự ngay cả khi chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải áp dụng các chế tài hình sự đối với các hành vi vi phạm đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Điều này không chỉ giúp tăng cường tính răn đe mà còn nâng cao hiệu quả công tác

phòng ngừa tội phạm, từ đó tạo ra một môi trường kinh doanh thực phẩm an toàn, lành mạnh và tuân thủ pháp luật, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, học viên đã phân tích về nhu cầu cấp thiết và những định hướng trong việc hoàn thiện các QĐ pháp lý liên quan đến trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực KDTP. Thông qua quá trình phân tích này, học viên đã nêu ra những hạn chế trong hệ thống pháp luật hiện hành, đồng thời làm rõ những yếu tố cần được cải thiện để phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của ngành thực phẩm trong bối cảnh xã hội hiện đại. Đồng thời đưa ra một số đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các quy định pháp luật đối với trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh doanh thực phẩm. Một trong những đề xuất quan trọng là việc sửa đổi và điều chỉnh một số văn bản pháp lý hiện hành sao cho chúng trở nên phù hợp và thống nhất hơn, qua đó giúp tăng cường hiệu quả trong việc thực thi pháp luật. Đặc biệt, cần chú trọng đến việc cải thiện sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng tại các địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến an toàn thực phẩm trong hoạt động của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm.

Ngoài ra, học viên cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong ngành thực phẩm về các quy định của pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm. Việc này sẽ giúp các đối tượng này ý thức rõ hơn về trách nhiệm của mình trong việc sản xuất và kinh doanh thực phẩm an toàn, đồng thời tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu pháp lý nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, công tác truyền thông về tác hại của thực phẩm không an toàn đối với người tiêu dùng cũng cần được đẩy mạnh. Khi người tiêu dùng có đủ thông tin và nhận thức về mối nguy từ thực phẩm không an toàn, họ sẽ có những lựa chọn sáng suốt hơn, giúp phát hiện và ngừng tiêu thụ các sản phẩm kém chất lượng, từ đó bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình.

Những giải pháp này không chỉ hướng tới việc hoàn thiện khung pháp lý mà còn góp phần xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch và hiệu quả, giúp tăng cường trách nhiệm và sự tuân thủ của các tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm. Qua đó, không chỉ nâng cao chất lượng thực phẩm, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của ngành thực phẩm tại Việt Nam.

KẾT LUẬN

Đảm bảo an toàn thực phẩm là một yếu tố then chốt đối với sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững của toàn xã hội ở các quốc gia, đặc biệt là đối với Việt Nam – một quốc gia có nền kinh tế phụ thuộc lớn vào nông nghiệp và xuất khẩu các sản phẩm nông sản, thủy sản. Việc đảm bảo an toàn thực phẩm không chỉ bảo vệ sức khỏe cộng đồng mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Thực phẩm không an toàn có thể gây ngộ độc, bệnh tật và ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của người tiêu dùng. Các bệnh liên quan đến thực phẩm không an toàn đang ngày càng trở thành vấn đề nghiêm trọng tại Việt Nam. Chính vì vậy mà hệ thống pháp luật Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để quy định về an toàn thực phẩm. Khung pháp lý về an toàn thực phẩm tại Việt Nam đã tương đối đầy đủ, là cơ sở để quản lý chất lượng an toàn thực phẩm từ sản xuất đến tiêu dùng ngày một hiệu quả hơn. Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc giám sát và kiểm tra chất lượng thực phẩm, giúp giảm thiểu tình trạng thực phẩm không an toàn trên thị trường. Các chương trình tuyên truyền và giáo dục cộng đồng về an toàn thực phẩm đã giúp người dân nâng cao nhận thức và chủ động trong việc lựa chọn thực phẩm an toàn. Điều này góp phần giảm thiểu nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm.

Nhìn chung, hệ thống pháp lý về an toàn thực phẩm tại Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần phải khắc phục như là sự thiếu đồng bộ giữa các quy định pháp luật, dẫn đến việc thực thi không thống nhất và gây khó khăn trong công tác quản lý. Các nghị định, thông tư có thể mâu thuẫn hoặc chồng chéo, tạo ra sự bất cập trong việc áp dụng và kiểm tra thực thi. Các hình thức chế tài chưa đủ mạnh để răn đe và hệ thống kiểm tra chưa thực sự hiệu quả.

Học viên hy vọng rằng trong tương lai, dựa trên quá trình nghiên cứu và áp dụng các bài học kinh nghiệm cũng như các mô hình quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm thành công từ các quốc gia phát triển, kết hợp với điều kiện cụ thể và thực tiễn của Việt Nam, các quy định pháp lý liên quan đến an toàn thực phẩm nói chung sẽ được hoàn thiện một cách toàn diện. Đồng thời, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm trong việc quản lý và giám sát ATTP cũng sẽ ngày càng trở nên hiệu quả và chặt chẽ hơn. Cụ thể, các quy định về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh thực phẩm sẽ được làm rõ và củng cố, đảm bảo rằng họ tuân thủ đầy đủ các tiêu

chuẩn vệ sinh, chất lượng và an toàn. Bên cạnh đó, các quy định kiểm soát ATTP trong hoạt động kinh doanh cần được cải tiến và phát triển để đáp ứng nhu cầu của một xã hội hiện đại và đang trong quá trình hội nhập quốc tế. Những cải cách này không chỉ hướng đến việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng mà còn hỗ trợ các tổ chức, cá nhân kinh doanh nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường năng lực cạnh tranh và xây dựng niềm tin của người tiêu dùng. Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý và cơ chế quản lý ATTP sẽ là yếu tố then chốt giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành thực phẩm Việt Nam, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đ. Hoàng, "Mỗi năm Việt Nam có khoảng 250 – 500 vụ ngộ độc thực phẩm," Báo Gia đình và Xã hội, 2016. [Online]. Available: <https://giadinh.suckhoedoisong.vn/moi-nam-viet-nam-co-khoang-250-500-vu-ngo-doc-thuc-pham-172161219123846395.htm>. [Accessed 01 2025].
- [2] N. Minh, "Kiến nghị của Bộ Công Thương về sửa đổi Luật ATTP," Tạp chí Công Thương điện tử, 2023. [Online]. Available: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/kien-nghi-cua-bo-cong-thuong-ve-sua-doi-luat-an-toan-thuc-pham-111038.htm>. [Accessed 06 10 2024].
- [3] Y. Châu, "Một cọng bún ba bộ quản lý," Báo Pháp luật Tp. Hồ Chí Minh, 14 11 2019. [Online]. Available: <https://plo.vn/mot-cong-bun-ba-bo-quan-ly-post549237.html>. [Accessed 01 2024].
- [4] "Điều 10-18," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [5] "Khoản 3 Điều 3," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [6] "Điểm e Khoản 2 Điều 7," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [7] "Khoản 14 Điều 2," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [8] "Điều 19-22," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [9] "Khoản 21 Điều 2," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [10] "Điều 23, 24," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [11] "Khoản 16 Điều 2," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [12] "Khoản 4 Điều 2," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [13] "Điều 25-27," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [14] "Điều 28-30," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [15] "Khoản 26 Điều 2," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [16] "Điều 31,32," in *Luật An toàn thực phẩm 2010*.
- [17] "Khoản 1 Điều 4," in *Nghị định số 15/2018/NĐ-CP*.
- [18] "Điều 6," in *Nghị định số 15/2018/NĐ-CP*.
- [19] "Chương V," in *Luật Thương mại năm 2005*.
- [20] T. Đ. h. L. T. H. C. Minh, Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Nxb. Hồng Đức, 2023.
- [21] L. T. H. Vân, "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do thực phẩm không an toàn gây ra cho người tiêu dùng," *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, p. 09(103), 2016.
- [22] "Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND, Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND tỉnh Bình Thuận về việc phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh".

- [23] "Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư Khóa XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới”.
- [24] "Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm số 189/BC-UBND ngày 22/9/2022”.
- [25] "Báo cáo Tái giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021 số 23/BC-DĐBQH Bình Thuận ngày 19/10/2021”.
- [26] "Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới năm 2021.”.
- [27] "Báo cáo Tái giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021”.
- [28] "Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác quản lý và hậu kiểm về an toàn thực phẩm thuộc ngành Công thương năm 2023”.
- [29] T. Minh, "TP Phan Thiết kiểm tra đột xuất an toàn thực phẩm," Binh Thuan GOV, [Online]. Available: <https://phanthiet.binhthuan.gov.vn/an-toan-thuc-pham/tp-phan-thiet-kiem-tra-dot-xuat-ve-sinh-an-toan-thuc-pham-879896>. [Accessed 20 11 2024].
- [30] T. Kết, "Gần 100 người nhập viện vì ngộ độc thực phẩm trong tháng 7," Báo Công Thương, [Online]. Available: <https://congthuong.vn/binh-thuan-gan-100-nguoi-nhap-vien-vi-ngo-doc-thuc-pham-trong-7-thang-339095.html&link=autochanger> truy cập 28/12/2024. [Accessed 28 12 2024].
- [31] Đ. Sĩ, "48 người nhập viện nghi ngộ độc thực phẩm tại Bình Thuận," VOV, [Online]. Available: <https://vov.vn/xa-hoi/48-nguoi-nhap-vien-nghi-ngo-doc-thuc-pham-tai-binh-thuan-post1110716.vov>. [Accessed 25 11 2024].
- [32] T. Huy, "48 khách du lịch nhập viện nghi do ngộ độc thực phẩm," Kinh tế đô thị, [Online]. Available: <https://kinhtedothi.vn/binh-thuan-48-khach-du-lich-nhap-vien-nghi-do-ngo-doc-thuc-pham.html>. [Accessed 25 11 2024].